

# Ý Tổ Sư Trên Đầu Ngọn Cỏ



**Chân Hiền Tâm**

---o0o---

**Nguồn**

<https://hoavouu.com>

*Chuyển sang ebook 20-11-2018*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục Lục

Lời Nói Đầu  
Những Bao Rác  
Cây Cột Điện  
Giận  
Thầy  
Sở Tri Phân Biệt  
Văn Thù Xin Đi Nờ  
Chuyện Khó Nói  
Phụ Nữ  
Trách Ai  
Ông Địa  
Thiền Và Duy Thức

**Phúc Đức Và Chứng Ngộ  
Chuyện Cái Thất  
Con Khỉ Bên Trong  
Hiểu Và Ngộ  
Làm Thế Nào Để Có An Lạc?  
Sai Khiến Được Ba Câu  
Tam Tạng Được Kinh Qua Cái Nhìn Của Thiền Tông  
5 Pháp Khiến Chánh Pháp Không Diệt  
Đậu Hũ Tâm Sự**

---o0o---

**Lời Nói Đầu**

Lục Tổ nghe một câu Kim Cang, thấu tỏ nguồn chân. Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, một tiếng đá chạm, bộ mặt thật xưa nay bùng vỡ. Trương đậu hũ! Lý đậu hũ! Đêm kẻ gói mộng nghìn mơ. Sáng ra nấu đậu như xưa khác gì? Có vậy mà cũng ngộ.

Ý Tổ sư trên đầu ngọn cỏ !

Với Tiểu thừa, Phật thuyết Tứ đế, khổ, không, vô thường, vô ngã ... thì ngữ âm đó thuộc pháp luân. Còn các loại ngữ ngôn thế gian như khi hỏi A-nan, hay mưa trời rơi... thì không phải pháp luân.

Với Tam thừa, tất cả thân tướng uy nghi cùng với ngữ ngôn của Phật đều nhập pháp luân. Vì không gì không làm lợi ích chúng sinh. Kinh Duy Ma nói “Uy nghi của chư Phật, tới hay lui, không gì không phải Phật sự”.

Với Nhất thừa, tam thế gian đều nhập pháp luân. Tất cả ngữ ngôn, âm thanh của chúng sinh đều nhập pháp luân... Ý Tổ sư trên đầu ngọn cỏ! Chỉ vì căn cơ có sai biệt mà pháp pháp dường như khác.

Bậc thượng căn, ngay đó liền nhận. Kẻ hậu sinh, trí mờ nghiệp nặng, nhân quả sống chưa xong, đâu thể một bước ngộ nhập. Nhưng không vì thế mà ý Tổ sư ngăn bít. Ngay đó chưa xong thì phương tiện vẫn còn đường. Một chuyện đời thường, ngấm rồi vẫn còn nước để đi. Vấn đề của tiền nhân, đọc qua, chưa hết điều học hỏi. Bởi thế, hí hoáy qua loa xin xẻ chia cùng bạn đọc ...

***Kỷ niệm Giỗ Tổ thứ 35***

*Ngày 20.12. Đinh Hợi (27. 1. 2008)*

***Chân Hiền Tâm***

---o0o---

**Những Bao Rác**

Thường thì những ngôn từ không hay, hay những kiểu cư xử được gọi là “thiếu văn hóa” chỉ xảy ra với những kẻ mà thiên hạ gọi là lưu manh, bất lương hay trong những khu vực nghèo khó. Nhưng hình như không phải. Đó chỉ là một trong các duyên khiến những thứ đó có điều kiện xuất hiện nhiều hơn mà thôi. Nhân duyên chính, vẫn từ ba thứ tham - sân - si trong chính mình.

Khi mọi thứ êm ả trôi đi, mình cũng hiền lành thánh thiện như ai. Nhưng một ngày đẹp trời nào đó, một cô nàng xuất hiện bám lấy anh chàng của mình. Lập tức, tam bành lục tặc trong mình nổi lên. Mình điên tiết phát ngôn. Loại ngôn từ phát ra, âm thanh khiến người nghe long óc, mình thì mất sức mệt mỏi, nhưng cứ thế mà hùng dũng lắm liệt. Ré một cách khoẻ khoắn như còi xe lửa rú lên giữa đêm trường thanh vắng. Thế mới biết, cái gốc của những thứ đó không phải do nghèo khó hay thất học. Chính là từ tham - sân - si mà ra. Chả trách họp hội nghị cấp cao, toàn là dân trí thức, mà ôm nhau vật lộn như hai đứa con nít.

Khu hẻm nhà tôi không phải khu vực nghèo khó. Chỉ toàn thứ dữ, có tôi là mặt nhất. Vậy mà chút nước đổ ra hẻm cũng có chuyện để âm ỉ. Một con hẻm chia đều bốn nhà. Nhưng không ai muốn phân hẻm nơi nhà mình đọng nước. Người quơ qua bên này. Kẻ quét lại bên kia. Làm sao đó để mặt nhà mình khô ráo, còn thiên hạ ai chết mặc ai. Thế là cả ba chửi nhau chí chóe.

Mình không phải là đứa cao thượng, nhưng ồn quá thì không thể làm việc. Vì thế, đành cao thượng mở cửa xuống nước “Xin dôn hết qua nhà con, từ từ nó bốc hơi ...”. Không ngờ, chiêu ấy lại có kết quả. Ba nàng lập tức bỏ cuộc. Không thấy ai quét lui quét tới gì nữa. Cũng không thấy ai to tiếng với nhau. Mình như chó táp phải ruồi, không ngờ chỉ một chiêu mà việc lại tốt như thế. Nhưng không phải khi nào những hành động thánh thiện cũng được đền đáp một cách xứng đáng.

Ngày nào, cũng có rác dôn qua trước nhà. Chư Tô ngày xưa, vẫn khiêng đá làm đường cho mọi người đi qua, xá gì một vài bao rác. Thành anh nhà tôi miệt mài đổ rác thay người. Một lần, hai lần, ba lần, cho đến mấy chục lần ... Thứ gì thành thói quen, nó trở thành việc tự nhiên. Mặt tiền nhà mình trở thành chỗ dôn rác chờ xe tới xúc, không phải chỉ một nhà mà hình như của khá nhiều nhà. Anh trở thành nhà đổ rác chuyên nghiệp.

Anh thay nghề đổ rác bằng công việc của một thám tử tư. Phần lớn là hàng của cô hàng xóm xinh đẹp. Vì nhà cô đẹp, nên rác được dôn qua nhà mình cho tiện. Đàng nào cũng đổ một lần, khỏi nhọc lòng anh đổ rác.

Rác được mang qua, thám tử lại âm thầm mang trở về. Nhà hàng xóm thấy rác chạy lại nhà mình, lại âm thầm trả về chỗ cũ. Cuộc chiến cứ thế mà diễn ra trong thầm lặng. Rác chạy qua rồi lại chạy về. Người nhất định phải mệt, không biết lũ rác có mệt không? Chắc mệt. Chỉ vì người người đi quá giới hạn của mình.

Chuyện rồi cũng phải chấm dứt. Thế gian này có thứ gì mà thường hằng?

Một ngày đẹp trời, bỗng dung cô chủ về nhà sớm. Anh hốt rác chưa kịp tới. Rác không nằm bên đây mà lại nằm ngay trước mặt nhà cô. Chắc con bé bận làm cơm, nên chưa kịp tải nó lại bên này. Thấy rác choáng hết mặt tiền, cô hét toán “Rác nhà ai để đây?”. Con bé hoảng hồn chạy ra “Dạ nhà mình”. “Sao lại để rác đây”. “Dạ bình thường con để bên nhà chú Q. nhưng không biết mấy ngày nay ai cứ đem qua lại bên này. Con đem qua, nó lại chạy về ...”. Cô chủ nhỏ tát tiếng, bước nhanh vào nhà. Từ đó, rác không còn lang thang. Chỗ để mấy bao rác, bỗng dung mọc lên hai cây bồ đề cao quá đầu gối. Chẳng ai trông trọt cũng chẳng ai chăm sóc, cứ thế mà vươn lên.

Chuyện đời là thế, nhưng cái chuyện ấy lại khiến mình nghĩ đến những dây khởi trong tâm. Những suy nghĩ lương thiện, mình nhẹ nhàng với nó, có làm tôi đòi nó chút đỉnh, cũng không sao. Nó vẫn dẫn lại cho mình cái quả tươi đẹp. Nhưng với những dây niệm thuộc tham sân, nếu mình phục dịch chịu chuộng nó mà không tính pháp đối trị, thì cực với nó vạn đời. Nó sẽ khiến mình nhọc thân nhọc tâm hết sức. Thành phải tùy nghi mà đối trị. Trị mà cương, thì dễ sức đầu mẻ trán. Thành trị mà phải khéo : Không quá cương cũng không quá nhu. Cứ từ từ chậm rãi giải quyết từng tên một. Tên nào lộ mặt, mình phải nhận dạng nó tức thì : Niệm thiện hay niệm ác? Niệm ác thì mời nó nhập niết bàn tức khắc. Nó chưa chịu nhập, mình phải có thời gian khuyên nhủ tỉ tê, khiến nó nhập cho lọt. Dù cơ duyên, nó cũng phải trở về đúng vị trí của nó : KHÔNG. Một lúc nào đó, những dây khởi tham sân của mình không còn, thì cảnh giới ngoài tâm cũng được giải quyết. Duyên của chúng sanh là vậy. Không dám lạm bàn trong cái duyên là chư Phật và chư vị Bồ tát, là những vị hiện thân theo nguyện lực, không phải theo nghiệp lực như chúng sanh.

---oOo---

### **Cây Cột Điện**

Cây cột điện nằm sát nhà tôi. Nó có nhiệm vụ chuyển điện cho hai nhà. Nhà tôi và nhà hàng xóm đối diện. Nó có mặt ở đó từ trước ngày giải phóng. Không có nó thì không có điện để dùng, nhưng nó nằm đó, phân tôn lọt bị khoét thủng một mảng, mỗi lần mưa, khoảng sân xe lùm bùm những nước là nước, lại còn cản không khí và ánh sáng phòng ngủ thằng con trai. Quá nhiều thứ bất tiện.

Nhưng không ai làm gì.

Cũng không ai có ý làm gì.

Vì cái cột điện tọa lạc nơi mảnh đất chung nằm ở cuối hẻm. Một bên là nhà tôi, còn bên kia là nhà hàng xóm. Nó không thuộc quyền sử dụng của riêng ai. Không phải của mình, thành lo mà an phận. Lộn xộn sao được. Muốn lộn xộn cũng không ai cho. Bản thân mình cũng đủ khôn ngoan để biết không nên lộn xộn. Mọi việc cứ thế mà bình yên trôi đi.

Cho đến ngày ...

Mảnh đất cuối hẻm được phân hai và hợp thức hóa, nhà hàng xóm một nửa và tôi một nửa. Nhưng cái cột điện thì không ai chịu thừa nhận, dù nó được sử dụng cho cả hai nhà. Đã vậy nó còn nằm sát vào vách nhà mình, như có ai lấy cây dế vào giữa hai mắt. Cả nhà quyết định xin phép dời cái cột ấy ra phía trước, để sinh hoạt được tiện lợi, mà cũng không làm ảnh hưởng bao nhiêu đến nhà hàng xóm đối diện.

Cô hàng xóm trẻ người xinh xắn, chuộng cái đẹp, rất biết tùy duyên trong vấn đề áo quần, nhưng riêng khoảng này thì cô lại chuộng cái cổ cái xưa. Chỉ muốn cái cột đó bắt biên ngay cái chỗ mà theo cô, nó đã trở thành di sản lịch sử qua bao thay đổi thăng trầm. Cô không muốn dời cái cột theo đúng cái duyên hiện tại, mà muốn nó an trụ nơi cái chỗ xưa nay cô vẫn thích. Cũng đúng! Cái gì bất lợi cho mình thì hãy thay đổi. Thay đổi càng sớm càng tốt. Còn như cây cột dời ra lề hẻm, dù nó không dính gì đến phần đường trước mặt, nhưng dây điện vào nhà, thay vì từ bên hông, giờ lại đâm thẳng từ ngoài vào ... Nhà cô mất đi một phần thẩm mỹ, làm sao cô chịu cho được? Mình cũng hiểu điều đó, cũng thông cảm. Thành cô hét gì đó hét, mình cũng không buồn, chỉ thấy hơi lạ.

Không dời cây cột, thì nhà không sửa được, mình không giải quyết được những ách tắc mà mấy lâu nay con cái đang chịu. Còn dời thì đụng chạm quyết liệt với cô hàng xóm xinh đẹp. Bởi cô đã quyết tâm “Còn một cái lai quần cũng đánh”. Không khéo phải đưa nhau ra tòa cũng nên. Đụng chạm như thế, kiếp sau gặp nhau, nhân duyên lại không thuận chiều. Không biết đời trước mình cầm cái gì trong đất cô, mà kiếp này cô không cho mình nhổ cái cọc đó ra khỏi đất mình. Đó là nói trên mặt nhân quả. Nói trên mặt tu hành, mình là Phật tử chứ cô đâu phải Phật tử. Mình tu mà còn tu thiên mới chết. Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, tùy duyên tiêu nghiệp cũ ... Nghe nát cả óc, muốn quên cũng không quên được. Thôi thì buông quách. Vừa khoẻ mình, vừa khoẻ người mà nghiệp cũ coi như trả xong. Nhưng buông thì mình khoẻ rồi, còn lũ con? Không lý, tu là chỉ để mình khoẻ thôi sao? A Di Đà Phật! Không biết ngày xưa Trúc Lâm cầm quân chống xâm lược, có phải suy nghĩ nát óc như mình bây giờ không nhỉ?

Chắc không! Vì chư vị không chiêm nghiệm cuộc đời như mình đã chiêm nghiệm, cái gì cũng thật. Thật vì không có thứ gì như huyền với mình. Mọi thứ chi phối đời sống của mình quá nhiều. Có nó hay mất nó, mình đều bị ảnh hưởng. Vì thế mọi thứ với mình đều là thật, chưa có cái gì là mộng là mơ với mình. Dơ thật, sạch thật, thiếu không khí cũng thật, bệnh hoạn cũng thật. Thật hết, nên mới có cái này chướng, cái kia không chướng, cái này khiến mình bệnh hoạn, cái kia giúp mình mạnh khoẻ v.v...

Thứ gì cũng thật thì nhân quả với mình không thể như huyền. Thấy nhân quả thật, so với các vị sáng tâm, không chính xác lắm, nhưng so với kẻ đầu trần chân đất tham sân, mình lại là kẻ có trí tuệ. Vì thế, làm việc gì cũng phải đắn đo. Cái nhân gây ra thì dễ, nhưng lãnh cái quả, mà không thấy cái quả đó như huyền, thì khổ vô vàn không phải chuyện chơi. Một cây cột không đáng, nhưng

nhân duyên không thuận thì đời đi cũng khó. May là có nó hay không, mình cũng chưa đến nỗi mẻ đầu sút trán. Nếu là miếng ăn, là chỗ sống chết của gia đình, nếu không thuận chiều, chắc mình không thể ngồi yên. Cũng một phen đau đầu nhức óc, không khéo lại phải gây nghiệp. Lại như con tằm kéo tơ làm kén, càng nhỏ, càng buộc ... không biết đời nào mới ra. Không cần thận sao được. Thành cái gì trong đời, nhắm mà buông được thì thôi buông quách, để cái quả tương lai còn được thuận chiều.

Cuối cùng ...

Hai đứa quyết định bắt chước Tô Trúc Lâm. Mình không làm vua thì không có dân hay quân để hỏi “đánh hay không đánh”. Mình chỉ làm dân, nên mình thuyết phục con cái và hỏi ý kiến của phùng. Nhờ phùng can thiệp trong tình thân êm ấm hiểu biết. Nếu cô vẫn cương quyết giữ lập trường tới cùng, thì coi như ... cây cột và mình chưa thể xa nhau. Một khi duyên nghiệp vẫn còn, đâu phải nói xa là đã xa được. Thôi thì nằm đó. Khi nào hết duyên, sẽ có người tự động bung đi. Nhọc tâm chi cho cực. Ở đời, thứ mình được, chưa chắc đã tốt cho mình. Thứ mình không được chưa chắc đã xấu cho mình. Thành không thể tranh cãi hơn thua hay đưa nhau ra tòa thưa kiện chỉ vì một cây cột điện. Kiểu đó, kiếp sau lại oan oan tương báo nhiều hơn. Giờ chỉ một cây cột, không tình, tiếp tục buộc thêm gút nữa, thì chưa biết kiếp sau oái ăm thế nào. Không gỡ được một lần thì gỡ từ từ cho xong. Buộc thêm chi cho cực. Cây cột điện thôi mà!

Đến giờ, cây cột vẫn nằm đó. Trơ thây cùng tuế nguyệt. Nhưng cuộc sống vẫn êm đềm trôi đi ...

---o0o---

### Giận

Lâu rồi không gặp. Gặp lại thấy già đi chút đỉnh nhưng chững chạc ra phết. Có điều nụ cười vẫn tươi, ánh mắt vẫn hiền hòa. Không đụng duyên thì thôi, đụng chút là soi ra, khởi đủ thứ chuyện. Sao mình không thể thấy tất cả mọi thứ mà không hề khởi lên so sánh già, vui ... Quen rồi ! Một thói quen được huân tập qua bao đời kiếp. Đụng duyên, tâm liền khởi. Hiện tại luôn là thứ được so sánh với quá khứ. Lớn, nhỏ, già, trẻ ... Tu hoài mà không thành Phật là vậy.

- Mấy bữa nay đi mua đồ chắc mệt!

Uể oải gật đầu, không lên tiếng.

- Có mấy bữa thôi, đâu có suốt đời đâu!

- Thì cũng may là chỉ có mấy bữa. Ủa! Mà sao thầy biết.

- Thì thấy cô chở đồ xuống.

- Sao con không thấy thầy.

- Biết! Đi sờ sờ ra đó.

- Ồ! Nhiều khi hai con mắt mở zậy chứ không thấy. Hi hi, chắc lúc đó cái đầu đang vô ký. Để tâm kiêu đó cho khỏe. Soi ra mệt.

Lắc đầu ngao ngán. Hình như lần nào gặp nhau thầy cũng lắc đầu. Lắc hoài cũng thành quen. Quen rồi có khi không chủ định cũng cứ lắc lắc sao ấy ...

- Ông Q. chịu nổi cô cũng hay!

- Hi hi ... thầy cũng thắm rồi hả?

- Thắm rồi.

Trưa gió thật mát. Nắng, nhưng không làm người mệt mỏi. Chắc tại nhiều cây. Nhưng hình như không phải chỉ có cây, gió hay sự yên tĩnh làm nên không gian thoải mái nhẹ nhàng. Mình đã từng lang thang qua khu nhà xác của một bệnh viện. Cũng nhiều cây, cũng thanh vắng yên bình. Một sự yên bình lạnh lẽo, khiến người ta không khỏi rùng mình sợ hãi. Không phải là sự yên ả thanh bình đầy sức sống như ở các tự viện thanh tịnh. Có lẽ, khí thế gian không lia chúng sanh thế gian, thành cảnh tuy như nhau, nhưng do chúng sanh thế gian khác nhau, mà cái khí mình nhận được ở mỗi nơi cũng khác nhau? Chỗ thâm sâu của Phật pháp, khó mà bàn tới.

- Thầy! Con nói thầy nghe cái này.

- Chuyện gì?

- Mấy bữa nay giận.

- Trời đất! Có giận nữa ha.

Khi nào cũng có thái độ điều cợt. Người chứ phải ngựa đâu mà không biết giận. Cây cọt còn biết mệt nữa là ... Nhưng đang cần có chỗ trú giận thành xí xóa.

- Giận dữ lắm.

Cũng vẫn thái độ điều cợt không bỏ. Lại còn chong hai mắt lên. Nhưng đang cần có chỗ trú giận, thành xí xóa.

- Biết giận ai?

- Ai ?

- Ông thị giả chớ ai.

- Trời đất!

- Giận đến nỗi sáng này mời nước không uống. Mấy bữa nay cũng không vô thất Thầy.

- Giận cá chém thớt hả?

Chuyện bình thường của thiên hạ, có gì mà ngạc nhiên. Giận má nó, nó đi ngang cũng muốn đào đất lên đổ. Ghét người này mà người kia lên tiếng bênh

vực thì cho người kia đi luôn. Giờ giận thị giả, không vô thất thầy, cũng là chuyện bình thường, có gì mà lạ. Bởi thất đó là chỗ mà thầy thị giả có mặt, qua lại, phục dịch ... nó là phần ngã sở của cái ngã được mệnh danh là thầy thị giả. Không dính gì nhau mà còn ghét lan qua được, huống là có liên hệ mật thiết như thế? Vô mới là lạ.

- Giận hết. Không muốn vô thất thầy luôn.

- Sao zậy?

- Hôm sinh nhật thầy, con điện thoại hỏi “Sinh nhật thầy trụ trì ngày mấy hả thầy”. Biết trả lời sao? “Đâu có ... À, khánh tuế ... Phật tử cúng dường ngày sinh của Thầy ...”. Nghe tới đó, ruột lên tới cổ. Đâu phải năm nay mới có. Từ năm ngoái năm kia ... Tại bận nên không đi, đâu phải không biết. Nhưng chưa, hôm sau xuống tới nơi, nghe thiên hạ nói mới giận dữ “Đêm qua đông gớm lắm, ngoài nhà khách không có chỗ mà ngủ, đợt này còn được cho hát hò tặng Thầy”.

- Đúng rồi! Trời ơi! Tôi đó vui quá chừng luôn.

Bây giờ mới hiểu, vì sao người đời hay nguyên rửa những kẻ gọi là đồ dầu vô lửa. Nguyên rửa là phải. À, mà không. Phật tử không được nguyên rửa. Tội lỗi, tội lỗi ...

- Thấy chưa! Thầy thấy có đáng giận không?

- Ủ ! Không giận mới là lạ.

Biết là lời diễu cợt, nhưng cũng mát lòng mát dạ. Cũng nguôi đi cơn giận trong lòng. Chí ít cũng có một người biết cảm thông cái giận của mình. Giận, dù là giận đúng hay sai thì một người khôn ngoan không bao giờ để nó hiện diện dù chỉ tích tắc. Nhưng khi người ta đang giận, không an ủi cảm thông được thì tốt nhất là nên im lặng. Lúc đó mà phải trái dạy khôn, phân tích đúng sai ... thì không khác thêm dầu vô lửa, chỉ khiến lửa giận thêm bùng. Quả là chỉ có lòng từ mới hóa nổi cơn sân.

- Thấy chưa! Giận là phải đúng không. Thành đâu có vô thất Thầy. Sáng nay mời nước, dỡ lơ coi như không nghe. Mấy bữa nay giận, không nói với ai. Bữa nay mới xì ra đó ...

Tâm thức con người thật buồn cười. Mười chuyện tốt không nhớ, nhớ đời một chuyện con con. Cái ngày hai đứa mới đặt chân đến thiền viện, thầy thị giả vẫn còn là một cư sĩ học việc. Không nói, hiền hòa. Ngồi đâu, thầy cũng ra tận nơi mời vô cơm nước. Những ngày làm thị giả, cơm vẫn lo đầy đủ, nước vẫn rót cho uống. Đói, thầy ơi con đói. Đau, thầy ơi có thuốc không? Sách đem cúng dường mấy ngàn cuốn, Thầy ngồi phát từng cuốn chẳng quản mệt nhọc. Một lần giận ông xã, khóc hù hù. Thầy ngồi đó nhìn không nói. Cái nhìn của đứa trẻ lên ba ngồi nhìn mẹ. Thấy khóc mà không biết dỗ dành ra sao, cũng không dám bỏ



đi vì sợ để mẹ một mình. Cái nhìn khiến hành giả đang khóc phải bật cười, thấy chuyện đời sao vô duyên, khóc ba thứ lần lần ...

Giờ mới một chút, giận mấy ngày chưa nguôi. Không biết vì được quan tâm quen rồi, bị phớt lờ mới ra có sự đó, hay người mình vốn có cái chùng vong ơn bội nghĩa, giờ đủ duyên mới phát ra? Tâm thức con người thật kỳ quái, không đơn giản chút nào!

- Giờ hết giận chưa?

- Hê hê, phun ra vậy chắc hết rồi. Thì vừa rồi, mới nói chuyện đó.

Thấy cái kiểu chê nước rồi không nói như vậy, biết tông con nhỏ có ... vấn đề. Đâu có tiếc gì vài lời để làm con nhỏ nguôi ngoi. Đi ngang, kêu nói vài câu... Con nhỏ quả tình hết giận thiệt.

- Có zậy mà bạc đầu hết trơn.

Bạc đầu nhuộm lại mấy hồi. Bạc tâm mới mệt. Vất vả vô ngàn!

---o0o---

### Thầy

Cha mẹ cho thân, thầy cho trí. TRÍ là thứ giúp mình chuyển hóa được những duyên nghiệp oan khiên trong đời, giúp mình vững vàng trong cõi vô thường tạm bợ. Cảm niệm ân đức cha mẹ mà không có vài dòng về Tổ Thầy thì thật thiếu sót. Nhưng nói chính xác về thầy thật là khó, khi duyên nghiệp của mình là người tại gia, không có điều kiện khuya sớm bên thầy như hàng tăng chúng. Dù có khuya sớm bên thầy thì nói gì về bậc tôn sư khi vạn pháp ở thế gian đều bị chi phối bởi DUYÊN KHỞI và DUYÊN NGHIỆP từ bao kiếp trước? Mọi thứ đều hạn cuộc trong vòng nghiệp thức của mình.

Tôi nói với bạn, thầy hiền từ, dễ chịu ... chắc có người phản đối. Vì với họ và ngay với tôi, thầy cực kỳ nghiêm khắc, khó ưa. Người ta than với tôi về thầy. Tôi gật đầu thông cảm. Bởi đó không phải là chuyện trên trời rơi xuống. Chỉ là chuyện thường tình tôi từng ném trái qua. Ném để trưởng thành. Ném để hun đúc con người của mình ngày được cứng cáp. Ném để bắt động dần với mọi cảnh vật chung quanh. Gisho ngày xưa, gian nan vô cùng. “Kể từ Majaka, không ai bằng Gisho. Song vẫn còn nhiều cửa để Gisho vượt qua. Còn phải nhận nhiều cú đâm sát của ta”. Thiên sư Inzan đã nói như thế về Gisho thân yêu. Tát và mắng để đánh thức bản tánh trong chính cô. Tát và mắng để cô nguôi dần cái ta đã huân tập trong bao đời kiếp. Thời nay, mình học đạo khó thành, vì mình không huân được sức chịu đựng như Gisho. Mình không bị mắng như Inzan đã mắng Gisho. Mình không bị tát như Inzan đã tát Gisho. Vì căn cơ của mình không được như căn cơ của Gisho...

Nếu tôi mô tả thầy như một hung thần khó chịu, cũng không xong. Sẽ có người không đồng tình, khi với họ và ngay với tôi, thầy rạng rỡ hiền hòa như đức Di Lặc. Không có những lúc nhẹ nhàng, tha thứ ... mình khó đứng vững khi tinh

thần xuống dốc quá độ, khi đường đời lăm chông gai, khi đường đạo khó tuyệt vời. Tuyệt vời! Nhưng đi sao mà vất vả. Bởi thói quen huân tập trong bao đời quá nặng. Đạo Cao Đài nói một câu nghe rất thấm thía “Tu thì cũng muốn mau thành Phật, theo Phật thì con lại tiếc đời”. Cái tiếc đó là đầu mối của mọi oan khiên và khó khăn. Không có thầy bạn bên cạnh giúp mình buông bỏ, một kiếp tơ tằm lại hoàn một kiếp tằm tơ.

Mỗi duyên, thầy có một tướng khác nhau. Không biết tướng nào mới là tướng thực của thầy.

Phật nói “Thực tướng vô tướng”. Nói về thực tướng, thì không tướng có thể nói. Ừ! Thực tướng của thầy, không tướng có thể nói.

*Thầy tôi...*

*Không lão cũng không tăng*

*Thân dày bụng bự*

*Nụ cười hả hê*

*Trẻ thơ*

*Một nửa trẻ thơ*

*Còn kia một nửa*

*Ngây ngô quê mùa*

Thầy tôi, không lão cũng không không tăng ... Thực tướng của thầy là như thế. Thứ gì có tướng, đều là hình thức hư vọng tùy duyên. Thân dày, bụng bự, nụ cười hả hê ... Ừ! Hình thức đó chỉ là thứ hư vọng tùy duyên qua lăng kính nghiệp thức của mình. Bởi liên quan trực tiếp đến lăng kính nghiệp thức của từng người, nên trên cùng một người, mà mình và người có các cảm nhận khác nhau. Rồi tùy lúc, tùy thời, cảm nhận trong chính mình cũng khác nhau.

Tướng thực của Phật, không tướng có thể thấy. Nhưng ứng với tâm chúng sinh ở cõi nhân gian mà Phật có nhiều tướng khác nhau. Hàng Bồ tát thấy Phật không thân, với báo thân tròn sáng thanh tịnh trùm khắp. Người hữu duyên ở nhân gian, thấy Phật với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Các cõi địa ngục, ngạ quỷ thấy Phật như chân voi đen dài ba thước. Một mảnh trăng trong mà bóng hiện ngàn sông khác nhau, chỉ vì nó liên quan trực tiếp đến duyên nghiệp của từng loài. Nước trong trắng tỏ. Nước đục trắng mờ. Nước chao trắng vỡ. Nước lặn trắng nguyên. Vì thế, hiện tướng của Quán Thế Âm, khi thanh thoát nhẹ nhàng, lúc lưỡi dài mắt đỏ. Mọi tướng tuy khác, nhưng đều là SUỐI TỪ bao la khơi dậy từ CỘI KHÔNG trùm khắp.

Đã là SUỐI TỪ bao la từ CỘI KHÔNG trùm khắp thì không có tướng nào không giúp mình bước lên con đường thượng thừa. Không có tướng nào không giúp mình chuyển hóa những tâm niệm địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong chính mình. Thuận hay nghịch, chánh hay tà, đúng hay sai ... tất cả đều là diệu dụng

của mười phương chư Phật, đều là dụng dụng của Tổ Thầy giúp mình tiến dần về đạo vô thượng. Phu nhân Bàn Long Uẩn nói Ý TỔ SƯ TRÊN ĐẦU NGỌN CỎ là đó.

Tổ và Thầy

Cùng những ai một lần hữu duyên trong đời ...

Xin thành kính tri ân.

---o0o---

### **Sở Tri Phân Biệt**

Những ngày đầu học đạo, tôi đọc được cuốn Cốt Tủy Đạo Phật của thiền sư Suzuki. Lối văn dịch và cách trình bày khá rõ ràng, nhưng ngay trang đầu, tôi không hiểu ông đã viết gì. Đọc nó như đọc thần chú. Mấy năm sau, tình cờ đọc lại tập sách ấy, tôi mới hiểu là do mình, không phải do ông. Mới biết, vạn pháp qua tâm thức của mình đều trở thành hạn cuộc.

Schopenhauer, một triết gia của thế kỷ 18, khi sách của ông, sau 16 năm xuất bản, hầu hết đều đem bán làm giấy loại, đã mượn câu nói của Lichtenberger để nói lên trình độ yếu kém của người đời đối với tác phẩm của mình “Những tác phẩm như vậy, giống như một chiếc gương. Một con khỉ nhìn vào thì bạn không thể nào chờ đợi một thiên thần nhìn ra”. Tác phẩm của ông có đúng là một chiếc gương để soi không, đây mình không bàn đến. Nhưng một con khỉ nhìn gương thì quả tình chỉ thấy một con khỉ xuất hiện, không thể là một thiên thần hay một thứ gì khác. Học trò với trình độ lớp hai, chỉ có thể đọc và hiểu toán lớp một hay lớp hai, không thể hiểu toán lớp ba hay hơn nữa. Tâm thức của mình là như thế. Thứ gì ngang với tầng số nhận định của mình, mình cảm nhận nó dễ dàng. Nhưng thứ gì vượt quá tầng số hiểu biết của mình, thì ... thiên thần vỗ cánh bay xa. Vạn pháp trở thành muôn hình vạn trạng dưới mắt người đời. Kinh luận một nguồn mà nghĩa thành vô lượng cũng vì đó.

Sự hạn chế đó, không phải chỉ nằm ở mặt kiến thức hay học hỏi, nó chi phối toàn bộ đời sống con người. Có quan niệm, có định kiến là có hạn chế. Một khi đã có sự phân chia hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc thích hay không thích v.v... là ta đã bị quan niệm chi phối. Nhà Phật gọi nó là SỞ TRI CHƯỚNG. Gọi CHƯỚNG vì nó làm ngăn ngại trí bồ đề. Với người bình thường, sở tri là nền tảng để phiền não sinh khởi và nghiệp chướng xuất hiện. Một khi đã có quan niệm cơm nhão là ngon, thì đừng phải cơm khô, ít người bình thân. Từ cái không bình thân đó, khẩu nghiệp và thân nghiệp có cơ phát khởi, phiền não phát sinh. Khởi rồi, trí Phật càng xa, nghiệp đời càng nặng. Kinh Lăng Nghiêm nói “Thấy biết mà lập thấy biết là nền tảng của vô minh”. Cho nên, dù thuộc thiền phái nào, chủ ý của chư vị thiền sư cũng là giúp người tu phá bỏ phần sở tri phân biệt này. Chính là TRÍ PHÂN BIỆT đã nói trong luận Đại Thừa Khởi Tín.

Tô Đông Pha là một học sĩ làm quan thời Tống. Quan trường thăng trầm nên ông thường đến chùa Kim Sơn học thiền và luận đạo với thiền sư Phật Ấn. Là một học giả có tài, nên ông tự hào luôn về trình độ hiểu thiền của mình. Một lần, nhà thơ hỏi thiền sư Phật Ấn :

- Thầy thấy con tọa thiền ra sao?

Phật Ấn trả lời :

- Trang nghiêm như Phật.

Nhìn vẻ mặt phân khởi của Tô Đông Pha, thiền sư Phật Ấn hỏi lại :

- Còn học sĩ, ông thấy tôi tọa thiền thế nào?

Tô Đông Pha trước giờ chưa hề bỏ qua cơ hội nào cho mình, liền mau mắn :

- Như đồng phân bò!

Không thấy Phật Ấn trả lời, Tô Đông Pha hí hửng keo nầy mình đã thắng.

Thời gian qua đi, tin đó tới tai Tô tiểu muội, em gái Tô Đông Pha. Tuy là nữ nhi nhưng tài hoa xuất chúng, trí tuệ hơn người. Nghe anh kể lại sự việc, cô lắc đầu :

- Sư huynh ơi! Tâm thầy như tâm Phật nên nhìn sư huynh trang nghiêm như Phật. Tâm sư huynh như phân bò, chẳng trách sư huynh nhìn thầy như đồng phân bò.

Tô Đông Pha nghe xong, không mở miệng biện được nửa lời. Mắc phải câu sấm của lão thiền sư, trả lời gì nữa.

Nếu không có cái duyên là tâm thức thích hơn người của Tô Đông Pha và câu hỏi “Thầy thấy con tọa thiền ra sao?” mà Phật Ấn vẫn thấy tướng tọa thiền của Tô Đông Pha “Trang nghiêm như Phật”, thì tâm Phật Ấn không khác Đông Pha. Tuy được Tô tiểu muội phết mấy chữ “Tâm thầy như tâm Phật” nhưng thực chất không khác phân bò. Vì sao? Vì thiền sư nhìn cây gậy là cây gậy, không phân tích nó thành không, cũng không khởi niệm đó là cây gậy. Thử hỏi, cái gì “Trang nghiêm như Phật”? Song vì phần sở tri hoạt động quá mạnh, có dịp là ... như đồng phân bò, con ngòi ra sao v.v... mà Phật Ấn đành kê đơn cho thuốc “Trang nghiêm như Phật”. Tô tiểu muội nhân đó bốc thuốc, trị cái tật huênh hoang của Tô sư huynh.

Nhìn cây gậy là cây gậy nhưng không khởi niệm đó là cây gậy, là chỗ đến của người tu thiền. Nói chỗ đến, không phải vì nó là mức cuối cùng, chỉ vì đó là chỗ mình có thể dùng lời nói diễn tả để hiểu mà tu hành. Cũng là chận khó nhất mà người tu phải đến. Sống được với tâm thức đó, mới có thể “Sanh như đắp chần đông, tử như cởi áo hạ”. Sanh tử đến đi không chút buộc ràng. Vì là chỗ đến, nên đến với thiền, nhất là vào thời mạt pháp hiện nay, ít ai có thể một bước nhảy liền vào đó. Tụng kinh, ngồi thiền v.v... thì đủ, mà ăn vẫn khởi niệm ngon, dở, mặn, nhạt. Nhìn, liền thấy đẹp, xấu, thấp, cao. Nghe, liền thấy hay, dở, đúng, sai

... Vì cái hay, dở, đẹp, xấu so sánh phân biệt đó, dòng vọng niệm mới có cơ phát triển, thói quen sanh khởi càng có dịp huân sâu. Nhưng ít ai để ý đến điều đó. Thành tu lâu mà niệm vẫn chưa là vọng, thế gian vốn huyền mà thấy đều như thật. Cho nên, biết cách mà tu thì trí phát, dụng có. Không biết cách mà tu thì trước chúng sanh, sau vẫn chúng sanh.

Đề trị cái tật thâm căn cố đế đó, Hòa thượng Trúc Lâm đã lập phương tiện BIẾT VỌNG KHÔNG THEO. Ăn mà khởi niệm ngon dở thì biết cái ngon dở đó là vọng, không để nó sai sử mình. Nói thì đến bốn chữ, nhưng thật chỉ một động tác BIẾT. Biết được, nói rõ hơn là THẤY được cái niệm ngon dở đó xuất hiện, thì niệm ngon dở liền mất. Song không phải thứ gì BIẾT là nó liền mất. Thứ gì không phải là thói quen của mình, mình biết, nó mất. Nhưng những gì đã thành thói quen, không phải chỉ trong một đời, mà có thể đã được huân tập từ lúc Thích Ca thành đạo, nên biết rồi, nó không cho mình yên. Nó phản kháng, nó gây áp lực với mình, nó bắt mình chạy theo, nó khiến mình căng thẳng. Không đủ lực để BIẾT và BUÔNG tới cùng thì công phu đành ngưng nửa chừng. Vì thế, Hòa thượng lại phương tiện “Thấy, biết là chân tâm. Nghe, biết là chân tâm v.v...”. Cái NIỆM CHÂN TÂM đó giúp mình thư giản hơn trong việc tu hành. Một lúc nào đó, mình sẽ nhận được thứ mà thiền sư Huyền Giác đã nói “Nói nín động tịnh, thể an nhiên”. Sống được với thể an nhiên thì thấy cây gậy là cây gậy, không phân tích nó thành không, cũng không khởi niệm đó là cây gậy. Phân sở tri phân biệt đã bị phá. Không khởi niệm, không phân biệt, mà không làm lẫn. Thiền sư Huyền Giác nói “Phân biệt mà không phải ý” chính là đó.

---o0o---

### **Văn Thù Xin Đi Nờ**

Thiền sư Nhất Hưu có vị đệ tử làm tướng quân. Một lần, tướng quân mời Sư về nhà dùng cơm, nhưng thủ vệ thấy y phục Sư rách, nên không cho vào. Sư đành trở về thay y phục mới.

Vào tiệc không thấy Sư phụ ăn, chỉ thấy ông gấp thức ăn bỏ vào tay áo, tướng quân bèn hỏi :

- Bạch Thầy, ở nhà Thầy còn mẹ già hai trong chùa còn ai? Con sẽ sai người nấu thức ăn mang đến.

Nhất Hưu lắc đầu :

- Hôm nay ông mời y phục ta dự tiệc. Ta cho y phục ta ăn còn gì.

Tướng quân không hiểu, Nhất Hưu giải thích :

- Ta đến lần đầu, vì y phục cũ rách, thủ vệ ông không cho ta vào. Ta phải trở về thay y phục mới, mới ngồi được đây. Đã lấy y phục mới cũ làm tiêu chuẩn tiếp khách, không phải là mời y phục ăn sao? Ta cho y phục ăn vậy.

Tớ làm mà chủ phải gánh thì quả tình là tội cho chủ. Nhưng với chư vị thiền sư, không lời nào không vì chúng sinh khai ngộ. Y vào bề ngoài như áo quần, tiền bạc hay địa vị xã hội v.v... để đánh giá con người là thói chung ít ai tránh khỏi. Bởi quần áo hay địa vị bên ngoài biểu trưng cho thực lực bên trong. Thấy Tăng sĩ ngang qua, mình liền cúi đầu. Một người bình thường, chưa hẳn điều đó đã xảy ra. Thế gian, nếu không có những nghi thức tối thiểu đó, mọi thứ sẽ rối ren. Thành y cứ hình thức bên ngoài để đánh giá nội dung bên trong là chuyện thường tình ở cuộc đời. Có điều, không phải thứ gì bên ngoài cũng biểu tỏ được nội dung bên trong. Bằng tiền sĩ, có tiền còn mua được, huống là một chiếc áo nâu sòng, hay chỉ vài bộ quần áo sang trọng? Thành chỉ y cứ vào hình thức bên ngoài để quyết đoán hành xử, dễ sinh tội lỗi vô cùng. Chính vì vậy, Nhất Hưu mở lòng khai thị cho đệ tử. Cúng dường một bữa cơm, nhận liền một bài pháp, không phải là người có lòng, không dễ gì được vậy.

Một lần, mời Tăng chúng về thọ trai, hậu sinh đã vướng phải một chuyện nhỏ đời. Bởi tâm hướng về Tăng chúng lớn, nhất là đối với vị chủ đoàn, nên mọi thứ từ thức ăn, chỗ ngồi, cho đến nhà vệ sinh, đều tập trung cho Tăng đoàn. Bỗng ở đâu, một cụ bà xin vào đi tiêu. Thành phố không có chuyện này. Quán ăn hàng chợ thì có thể, nhưng nhà tư nhân thì không. Không ai cho người lạ vào nhà. Song bình thường vẫn có thể, nhưng hôm nay là ngày cúng dường Tăng chúng, làm gì có chuyện đó. Đang lu bu mà bị quấy rầy, hậu sinh ta quát lớn “Nhà đang có việc, đi đi cái gì”, rồi sập cửa không chút thương tiếc.

Nhà vệ sinh hôm đó, không một vị tăng nào bước vào. Vì tiêu tiêu, không phải cứ chỗ tốt chỗ đẹp là nó đã ra. Sinh lây, gốc chuối, bụi cây mà tới con thì nín cũng không được. Vậy mà một chút không tinh, hậu sinh đã tống bà cụ ra ngoài. Nếu đủ công đức như vị Hòa thượng lập đàn bố thí kia, có lẽ hậu sinh đã thấy bà cụ hóa thành Văn Thù cười mây ngũ sắc bay đi.

Biết đạo, mình ít bị những hình thức như giàu nghèo, bằng cấp v.v... chi phối, nhưng lại bị những thứ vi tế như thế dẫn chạy. Chẳng qua là làm thiện mà chấp thiện. Chấp là trạng thái nắm chặt. Nó biểu thị cho đầu óc cứng ngắt, mất tính tùy duyên của mình. Mình không phân biệt được thứ gì là tinh thần, thứ gì là hình thức. Tinh thần là thứ bất biến cần giữ. Hình thức là thứ có thể thay đổi tùy duyên. Thay đổi tùy duyên ra sao để tinh thần vẫn ... bất diệt. Nhưng mình thì chỉ chú tâm nắm chặt hình thức. Cố sự mới ra như vậy.

Thiền sư Vinh Tây, một lần vì sự đói cơm của một gia đình hành khất, đành phải cầm mớ vàng lá dùng tô tượng Phật đưa cho người hành khất mang đi đổi gạo. Đệ tử của ngài biểu lộ sự không vui. Thiền sư vui vẻ giải thích “Các ông không thể hiểu nổi việc ta làm. Chính vì tôn kính chư Phật mà ta làm như thế”. Các đệ tử vẫn không bằng lòng. Sau cùng, thiền sư phải lớn tiếng mắng “Lúc đức Phật còn tu đạo, cắt thịt cho chim bồ câu, xả thân cho cọp đói còn không tiếc, huống chỉ vài miếng vàng lá. Phật đối với chúng sanh thế nào các ông biết không?”. Lúc ấy đệ tử mới hiểu việc làm của thiền sư là hợp với tâm Phật.

Mọi nghi thức đối với Tăng chúng là cần thiết. Nó biểu tỏ lòng thành kính, qui hướng Tam bảo của mình. Nhờ cái bước đầu ấy, mình mới có cơ duyên nhận pháp tu hành với chư vị. Từ đó mới có thể phát huy được trí tuệ và lòng từ của chính mình. Đó mới là cốt lõi của sự tu hành. Cho nên, trong tất cả sự cúng dường, TRÍ TUỆ và LÒNG TỪ là pháp cúng dường lớn nhất. Trí tuệ hiển phát, thì tâm so đo phân biệt không có chỗ để dung thân. Không phải chỉ qui kính cúng dường Tăng chúng, mà đối với cụ bà, mình cũng có lòng cho bà ... đi nhờ. Không đến nỗi ôm cứng câu xí làm pháp cúng dường như thế.

---o0o---

### **Chuyện Khó Nói**

Ở đời, sao có nhiều chuyện thật là khó nói ...

Tivi là thứ rất thường trong cuộc đời. Nhà ai cũng có một cái để xem ca kịch hay ít nhất là tin tức. Thời buổi, chỉ cần chưa đến một chỉ vàng, đã có thể mua được một chiếc ti vi khá tốt, thì việc không có ti vi trong nhà hay không xem tivi là chuyện rất lạ. Nhưng với chốn thiền viện hay am thất thanh tịnh thì khác. Có một chiếc tivi xuất hiện trong liêu thất của tăng chúng, hay trong am thất của một cô ni để coi thời sự hay những tuồng tích mùi mẫn, là chuyện không thể chấp nhận.

Người ta phàn nàn với tôi, hiện nay trong chốn thanh tịnh, đương nhiên không phải trong chốn thiền viện chính qui, mà trong cái khu bộc quanh thiền viện, có vài chiếc ti vi nằm không đúng chỗ. Có người hỏi “Sao không lên sách những chuyện như thế?” Trời đất! Đâu phải dễ nói mà hở cái là lên sách?

Bản thân tôi, không ưa cái màn đem đời vào đạo theo kiểu như thế! Bởi đã mặc áo tu, lại nhận của cúng dường, mà cứ thoải mái đắm chìm trong những hoạt cảnh lung bùng thì cũng hơi kỳ. Thí chủ làm lụng cực nhọc dâng cơm mời nước để mình có thời gian chặn con mắt, giữ cái tai v.v... Nhờ vậy tập khí dong duỗi dửng dốt, trí tuệ đạo lực tăng trưởng. Đó là cái nhân để mình có khả năng cứu họ trong hiện đời và mai sau. Đâu ai cúng dường để mình làm cái mốc áo, đi tới đi lui, học cũng không học, tu cũng không tu, chỉ mỗi một việc là ... nhìn. Không kỳ sao được!

Giới luật đã thọ đâu có cấm coi ti vi. Ừ, giới luật không có khoảng nào cấm coi ti vi. Vì thời đức Phật không có ti vi để cấm. Giới luật không cấm, nhưng đức Phật lại lệnh cho hàng Tỳ kheo phải chặn con mắt, giữ cái tai v.v... không cho dong duỗi theo cảnh giới bên ngoài. Pháp trần bên trong mới không có cơ phát triển. Có vậy, định lực mới phát, trí tuệ mới có. Của tín thí mới tiêu. Cứu nhân độ thế mới tròn.

Bởi cơ sự đó mà tôi không thích người tu mãi miết với chiếc tivi. Nhưng mở miệng nói không phải chuyện dễ. Bởi duyên mỗi người mỗi khác, mình không tận mắt thấy cái ti vi nằm ở chỗ nào, làm sao mà nói. Giả như có cái tivi, nhưng

coi cái gì mình đâu có biết. Nhờ nghe băng giảng hay để chiêm ngưỡng dung nhan Hòa thượng thì sao? Nếu coi cái khác, cũng có cái khổ mình không thể nói. Biết đâu nhờ cái ti vi, thoát được một phút buồn rầu không làm chuyện đại. Mình đỡ một phần phúng điệp thì sao? Quả có nhiều chuyện để bàn, chung qui vẫn là ... khó nói. Mà cái khó nhất là chính ta đây. Vẫn coi ti vi mới chết! Mở miệng sao đặng? Chi bằng đỡ lơ, coi như mở lòng thông cảm là hơn. Phán quan tự kỷ bỏn phận sự! Đạo lực một khi đã có, trí tuệ một khi hiển phát, ti vi không còn giá trị. Bật tới bật lui mà thấy đài nào cũng như đài nào, tro tro như chồn không người, dính mắc chi nữa đúng không?

Ờ đời, sao có nhiều chuyện thật là khó nói ...

Tôi ít gặp được Sư ông. Gặp rồi, cũng không có gì để nói. Mỗi lần có ý vô thăm Sư ông, cảm giác Sư ông đang trông lại rõ mồn một. Lần nào cũng vậy. Không biết vì sao cứ có cảm giác Sư ông đang trông. “Đúng là vọng tưởng!” Lão chồng đã nói như thế. Chắc cũng đâu đó. Nhưng gặp được rồi, thấy ông thôi ngóng. Chỉ dõi mắt cười. Cũng không thấy nói vô chùa đi con.

Cho đến Sư phụ, hình như khuyến khích con nhỏ tu ngay ngoài đời hơn là vô chùa. Tu ngay ngoài đó cho yên. Đợi nó vô chùa, thế giới tan hoang, cửa nhà nát hết. Kêu nó vô chùa, nhờ vô không được bỏ đề thêm thôi. Không chừng Ta bà cuộc thêm mấy vòng thì tội thiên hạ. Cho nên, “Cạo đầu vô chùa” không thấy xuất hiện trên miệng Sư phụ bao giờ.

Nghiệm cho cùng, tu là ở tâm, không phải ở chùa mà cứ phải vô hay ra. Vô chùa tuy có điều kiện tu hành hơn đó, nhưng vô tới nơi mà chỉ có ... ăn, thì cùng đề huề. Sao bằng ở ngoài mà tu tinh tấn. Cho nên, vô thì quá tốt, không vô thế giới cũng chưa thay đổi. Quan trọng vẫn là chịu tu hay không mà thôi.

Nghiệm cho cùng, tu là ở tâm, không phải đổi áo thay đầu, hay thọ các giới với chức Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni mới gọi là tu. Cái chính là phải nhiếp tâm thọ trì kinh kệ, thông hiểu những gì Như Lai đã nói, mang lại lợi ích cho người. Tu thiên cang khó. Yêu cầu đặt ra không phải chỉ GIỚI là đủ, mà phải làm sao MINH TÂM KIẾN TÁN. Tâm phải sáng rồi, tánh mới hiện được. Tâm còn tối thui, tánh hiện sao nổi. Vô chùa, quả tình điều kiện sáng tâm dễ dàng hơn nhiều. Nhưng ngoài nếu tánh vẫn kiến, khác gì trong chùa? Thành vô hay không, thế giới vẫn còn, thiên hạ chưa chết. Quan trọng vẫn là kiến tánh hay không mà thôi.

Lý của sự tu vốn là như thế, không phải ở chùa hay phải thay hình đổi dạng mới gọi là tu. Nhưng khổ, mỗi lần ai hỏi sao không đi tu cho rồi, mình đành lặng thinh. Thật ra, đi thì chưa đi nhưng tu thì ... cũng có. Lão chồng vẫn nói “Bà này tu ... hú”. Hú là tập khí, biết làm sao được. Nhưng lỡ bắt giặc hú to một tiếng, sự tĩnh im liền, khoảng cách lần sau cách xa lần trước, mỗi ngày mỗi xa. Cho đến cái lúc chưa hú đã tĩnh, trông em hiền như ma soeur ... là đã có tu. Tu rất số zách, đâu cần phải đợi vô chùa.



Nói chung, “vọng” hiện liền biết, biết rồi đừng theo ... Cứ thế mà làm đến khi sáng tâm. Tu kiểu như thế, so với vô chùa, vọng không nhận ra, tâm cũng không sáng, kinh kệ không thông, lợi ích cho người như vệt chỉ mảnh, mà thấy thiên hạ cần phải lay lễ cúng dường cho mình. Cái đó mới họa. Phước đức hiện đời trở thành cái nhân cho một cái quả không tốt về sau. Vô chùa như vậy, tính ra không bằng ở nhà mà lại chịu tu.

Tu là như vậy. Ngay tâm không phải ở chùa. Chùa chỉ là duyên. Song ai nói mình vô chùa tu đi, chỉ biết cười trừ không nói nên lời. Rất là khó nói! Người ta nhiệt tình chăm chút cho mình, mở miệng sao đặng. Vả lại, đâu phải ngoài đời, ai cũng dễ tu? Cần có chùa chiền, môi trường thanh tịnh, thời khóa đủ đầy, mới tạo cái duyên để mình thiền tập, trí tuệ phát triển, lòng từ trùm khắp. Điều kiện vô chùa phải nói rất là thiết yếu đối với người tu. Chỉ cảnh tĩnh lặng, chịu được cũng đáng bái phục lắm rồi. Đừng nói thời khóa đủ đầy, tu tập, lao động. Hòa thượng tí ti của xóm con nít, thân bằng cây chổi, xe đất cũng đẩy phăng phăng, tọa thiền tụng kinh nhất cử nhất thiên ... Kiểu đó gặp mặt không lay không đành. Chừng đó, chưa làm trụ trì, cũng đã lợi ích cho đời. Thành ra, nghĩ tới nghĩ lui, im lặng là vàng. Nói ra, không chừng tưởng mình dở trò biện minh cho thói lang thang. Mọi thứ đâu còn giá trị.

Ồ đời, sao có nhiều chuyện thật là khó nói ...

---o0o---

### **Phụ Nữ**

Schopenhauer, sinh năm 1788 tại Dantzig. Thân phụ là một thương gia có tài. Mẹ là một tiểu thuyết gia phổ biến đương thời, nhưng rất nóng tính. Bà hình thành đời sống tự do luyện ái sau khi chồng chết. Schopenhauer chống đối việc này hết như Hamlet chống đối mẹ mình tái giá. Những cuộc gây gổ liên tiếp diễn ra với mẹ, cộng thêm những thất bại trong tình trường, đã khiến ông có cái nhìn không mấy tốt đẹp về phụ nữ :

“Chỉ một người đàn ông bị mờ mắt vì sự thúc đẩy xác thịt, mới có thể tặng danh từ phái đẹp cho một giống người thấp bé, vai hẹp, mông rộng, chân ngắn. Để đảm bảo hơn, thay vì gọi họ là phái đẹp, hãy nên tả họ như một giống thiếu thắm mỹ...”

“Trong một vài năm thiên nhiên cho họ một tài sản nhan sắc và vẻ kiêu diễm để có thể chộp lấy cơn bốc đồng của một gã đàn ông, đến độ chàng vội vàng đảm nhận cái vinh dự săn sóc họ suốt đời, một bước đường mà dường như không có một bảo đảm nào để biện minh nếu lý trí chịu điều khiển tư tưởng con người một chút...”

“Những bộ óc đặc sắc nhất trong toàn thể giống này chưa bao giờ sản sinh được một công trình nào về mỹ thuật độc đáo thuần túy hay hiến cho thế giới một tác phẩm có giá trị trường cửu thuộc bất cứ lãnh vực nào...”

“Mọi phụ nữ, gần như không ngoại lệ, đều thiên về sự quá lố, chỉ biết sống cho hiện tại. Môn thể thao chính của họ là đi mua hàng...”.

Cái nhìn của ông, xem ra vẫn còn nhân nhượng hơn nhiều so với cái nhìn của Phật, được ghi trong kinh Bửu Tích : “Ồ bệnh hoạn máu mủ tanh hôi, mũi dãi thường chảy như cảnh dơ bẩn ở bãi tha ma”. Không biết với nhà hiền triết, đó là cái nhìn muôn đời bất diệt hay chỉ là phút tạm thời? Nếu như mọi thứ thay đổi, trong vòng thương yêu êm ấm, thấy được phụ nữ chân dài eo nhỏ ngày nay, với những cái đầu không khác nam nhi ... không biết ông còn chịu giữ cái nhìn như thế? Song với đức Phật, “Ồ bệnh hoạn máu mủ tanh hôi ...” chỉ là cái nhìn tùy duyên. Nó được nhắc đến, chỉ khi nam nhi chìm sâu trong biển ái dục. Sự chìm sâu có nguy cơ mang đến khổ đau và tội lỗi. Trong cái duyên như thế, phụ nữ mới có hình tượng đặc sắc như thế. Trong một duyên khác, phụ nữ không còn hình dáng thế nữa. Hãy nghe đức Phật nói về Hà Thượng, một nữ cư sĩ trong pháp hội của ngài “Ta nhớ xưa kia, cũng tại nơi này, có ngàn Như Lai thuyết pháp như vậy. Ở trong các chúng hội đó, mỗi mỗi đều có tín nữ Hằng Hà Thượng làm thượng thủ”. Cũng nói với Văn Thù Sư Lợi về đồng nữ Vô Úy Đức “Đồng nữ này, trong quá khứ đã phát bồ đề tâm, trải qua 30 kiếp, ta mới phát tâm hướng về vô thượng bồ đề. Đồng nữ ấy cũng đã làm cho ông trụ vô sanh nhẫn”. Những phụ nữ như thế, trí tuệ không phải chỉ để “sản sinh được một công trình nào về mỹ thuật độc đáo và thuần túy, hay hiến cho thế giới một tác phẩm có giá trị trường cửu” ở thế gian, mà nó tồn tại phi thời gian. Điều đó cho thấy, không thể lấy một TUỞNG NHẤT ĐỊNH nào làm chất thực cho giới phụ nữ. Nếu đúng là chất thực của người phụ nữ thì nó không xấu cũng không đẹp, không ngu dốt cũng không trí tuệ... như Trung Luận hiển bày “Không sanh cũng không diệt, không đến cũng không đi ...”. Chỉ tùy duyên mà lúc thấy xấu lúc thấy đẹp, lúc trí tuệ, lúc ngu dốt v.v...

Cho nên, với cái nhìn Duyên khởi, “Ồ bệnh hoạn máu mủ tanh hôi ...” không phải là nhãn mark độc quyền dành cho phụ nữ. Nếu đối tượng là một phụ nữ đang chết chìm trong biển ái dục, có nguy cơ thiêu sống mọi người vì lửa ghen bộc phát, thì hình tượng kia sẽ được dùng để chỉ cho phái mày râu, dù đó là một vị đại đức thanh tịnh chẳng nữa. Song nói như thế, không có nghĩa là với bất cứ đối tượng nào vướng sâu vào ái dục, Phật Tổ đều sử dụng phương thức đó. Tùy nghi mà lúc thì đưa khía cạnh này, lúc thì nói khía cạnh kia, miễn sao “bệnh tật” của đối phương được tuyên giảm. Duyên khởi là vậy. Tùy duyên mà có pháp, không cố định ở một pháp nào. Khi đọc kinh học luận, nhớ chú ý đến mặt tùy duyên.

Quan niệm của thiên gia đối với phụ nữ thì sao?

Thiền sư Vân Môn đưa cây gậy lên dạy chúng “Phàm phu thấy nó là thực. Nhị thừa phân tích nó thành không. Viên Giác cho nó là huyễn có. Bồ tát thì thấy đương thể tức không. Thiền gia thấy cây gậy là cây gậy. Đi chỉ đi. Ngồi chỉ ngồi. Không được động đến”.

Không phải chỉ với cây gậy mà tất cả pháp ở thế gian đều như thế. Thiên gia thấy phụ nữ là phụ nữ. Tức không lộn nữ thành nam hay ra một cái gì khác. Cũng không khởi niệm đó là phụ nữ. Thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, không khởi niệm xấu, đẹp, hay, dở. Quan trọng là ... **KHÔNG ĐƯỢC ĐỘNG ĐẾN**. Vì sao? Vì động đến, coi chừng sinh chuyện.

Bạch Ẩn thường ca tụng với đệ tử về trình độ thiên của một lão bà có tiệm trà gần đó. Chư vị không tin lời ông, muốn tự mình khám phá. Bất cứ người nào đến tiệm trà, bà đều hỏi đến uống trà hay hạch thiền. Uống trà, bà tiếp đãi tử tế. Hạch thiền, bà đưa họ vào nhà sau và tặng một nhát đũa bập vào đầu. Chín phần mười bọn họ không thoát khỏi tay bà.

Nói chung, với tăng sĩ, phụ nữ dù già hay trẻ ... **KHÔNG ĐƯỢC ĐỘNG ĐẾN** là một lời khuyên đầy kinh nghiệm và khôn ngoan.

---o0o---

### **Trách Ai**

Mèo con là con mèo mẹ. Phải đến chục lứa, tôi mới có thể gần gũi chăm sóc con nó như lũ mèo nhà. Có vậy mới mong chích ngừa chấm dứt sinh sản. Nuôi mèo đem cho thì không còn chỗ để cho. Nuôi tiếp thì nuôi không nổi. Xua đi, thấy dạ không đành. Thành phải tính chuyện chấm dứt sinh sản. Không thì mèo khẩu cứ tăng. Mình đâu tính chuyện sản xuất cung cấp cho các tiệm ăn mà hứng với việc như vậy.

Mèo con giỏi hơn mèo mẹ rất nhiều, chỉ phải cái tội đêm đêm lại kêu, không ai ngủ được. Thành dù thương nó, mình cũng tìm đường cho nó ra riêng.

Gởi nó cho cô xong rồi, mình mừng hết lớn. Vậy là mình vẫn có thể chăm sóc chích thuốc cho nó. Xuống tới nhà cô, nó không kêu nữa. Nó nhảy tung tăng hưởng khí mát lành, tươi tắn vui vẻ. Nó không ăn cá ăn thịt, chỉ cần một chút thức ăn làm sẵn cho mèo, là nó đã no. Gặp cô, nó sa vào lòng không chút lạ lẫm. Mình cũng yên lòng. Vậy là những gì dự định coi như tạm xong.

Hai mươi ngày nữa, đến ngày mang nó chích ngừa. Nói là nói vậy, ngày đó không bao giờ tới. Bởi nó đã bị con Ki hàng xóm xơi tái ...

Mới biết, không phải muốn lo là đã lo được. Mình dù có lòng để lo mà người không phước để hưởng, mọi thứ cũng không. Không phải chỉ với con mèo, thiên hạ chung quanh, ngay bản thân mình, cũng thấy như thế.

Cái khoảng thời gian đi tới đi lui ngoài chợ. Có rất nhiều chuyện để mình chiêm nghiệm. Bà chủ vừa nuôi người làm, dự định cho cô nhiều thứ. Nào sắm cái này, nào lo cái kia. Không phải chỉ việc nuôi mẹ, bà tính luôn việc giúp đỡ lũ con. Mỗi tuần, bà cho cô nghỉ một ngày thăm con ...

Chưa được ba ngày, cô nói nóng ruột nhất định đòi về. Bà cho ít quà và tiền rồi để cô về. Tôi lấy làm tiếc cho cô. Con người, có khi vì chút nhẫn lực không có, bỏ mất cơ hội ngàn vàng. Nhưng rồi một việc xảy ra để hiểu vì sao cô không

hường được những gì bà chủ dự định : Người ta mang biếu cho bà một số bưởi quý. Bà đã dự định cúng dường Tăng Ni. Thấy cô thích thú, bà dành cho cô một trái. Nhưng hôm cô đi, cô mang đến hai. Đi thế, nên không một lời từ biệt.

Cho tới giờ này, cô vẫn không biết, chỉ vì tham một trái bưởi, cô đã bỏ mất số tiền tương đương đến 50 trái, con gái bà chủ muốn cho sáng đó. Bà chủ bận việc trên lầu, cứ nghĩ cô chào bà sẽ đưa tiền luôn thể. Không ngờ cô đi âm thầm. Người sống như vậy, làm sao đủ duyên ở gần bà chủ? Bà dù muốn lo, cũng không đủ duyên để hưởng. Ở được với bà mới là chuyện lạ.

Trong đời, chỉ vì không đủ nhẫn lực, không biết mình đã bỏ đi bao nhiêu cơ hội ngàn vàng như cô người làm của bà chủ kia? Không nhẫn được với miệng, không nhẫn được với thân, không nhẫn được với lòng tham, không nhẫn được với tính đố kỵ, kiêu mạn ... mà mọi việc trở thành đáng tiếc. Đó là cái nhân để mình gặt phải cái quả bất toàn trong tương lai. Nhiều cái nhân bất thiện cho ra lắm cái quả bất toàn.

Suy cho cùng, cái chính vẫn là nhẫn không được với những suy nghĩ của mình. Ý NGHIỆP. Không phải chỉ Ý mà còn đi kèm chữ NGHIỆP. Nghiệp, nói đủ là nghiệp tập. Chỉ cho thói quen mình đã huân tập trong bao đời kiếp. Chính vì chữ NGHIỆP, Ý mới có lực khiến mình chạy theo. Quên mất việc đó nói ra có lợi hay không. Quên làm như thế thiệt hại những gì. Thứ gì đụng đến cái TẬP hay TÔI của mình, lập tức mình mất nhẫn lực, mình liền phóng theo. Mình phát huy cái miệng, mình động đậy cái thân. Phật nói điên đảo là vậy.

Mới thấy 4 chữ BIẾT VONG KHÔNG THEO Hòa thượng Trúc Lâm đặt ra lợi hại vô cùng. Chỉ cần BIẾT được cái gì vừa hiện trong tâm, là mình đã có thời gian để thấy NÊN hay KHÔNG NÊN tiếp tục những việc đã nghĩ. Nhưng thường, thứ gì rơi trúng tập nghiệp của mình, mình đành bó tay. Cái BIẾT của mình bị LỰC CỦA NGHIỆP đè chết. Mình quên tất cả, chỉ theo nghiệp lực như thuyền phăng trên dòng thác, không chút nghỉ ngơi. Giả như có chút công phu, có ít trí tuệ, còn biết hồi tâm quay đầu, không đi quá xa. Nếu không trí tuệ, công phu cũng không, thì cứ theo nghiệp mà đi. Ta bà thế giới đâu hề từ chối những kẻ nhiệt tình với nó? Cái khổ, cái nghèo, hoạn nạn, tai ương, bất toàn theo đó mà hiện. Trách trời sao được? Muốn lo, lo cũng không xong.

Không biết con mèo chết đi, nó có trách tôi “Tại bà đem tôi xuống đây, thành tôi mới bị chó ngoạm mà chết tức tưởi ...”. Có trách cũng không phải lạ. Thói đời là thế, ít ai tự trách lấy mình, chỉ hay đổ thừa thiên hạ. Hấn đã đổ thừa thì mình đổ lại “Giá con đừng kêu, con biết làm chủ cái miệng của mình, đừng phiền thiên hạ, thì dù bưng cút đồ đạc chịu khó chịu khổ với con như trước, ta cũng chịu được. Đàng này con không biết nhẫn, đêm nào cũng gào thiên hạ ngất ngư, ta làm gì được bây giờ? Ta đem con xuống chỗ tốt, không ngờ phước con không đủ, đâu phải tại ta mà con trách ta?”. Nói thì nói vậy, nhưng ngầm cho cùng, như chính mình đây, cái phước làm người đã có, học đạo cũng không phải vừa, nhưng nhẫn vẫn tòi ... số một. Hở cái là hú, tập khí vẫn chưa thắng nổi, nói

là con mèo? Thật tội! Tính ra, chỉ vì nuôi nó mà mình không đủ nhẫn lực dạy nó chữ nhần hầu tãi bót nghiệp của thân, có sự mới ra như vậy. Mới thấy tiền bối Nguyễn Du, phát biểu một câu ngẫm ra chí lý :

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lấy trời gần trời xa

Trách ai bây giờ? Phản quan tự kỷ bốn phận sự! Khắc dạ ghi tâm là tốt.

---oOo---

### **Ông Địa**

Ngày chưa đến chùa, nói chính xác là chưa đến thiền viện. Cái khoảng Đâu Hũ còn lang thang ngoài chợ đời phố thị, bầu bạn với đủ thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không thiếu món nào, thì bàn thờ có rất nhiều tượng để thờ. Đúc Di Đà ở giữa. Quan Âm, Thế Chí hai bên. Trái, một cái hình Ấn độ cỡi trâu. Phải, hình mẫu mẹ ngồi chiêm chệ. Phòng khách có Ông Địa nghênh tiếp tiền bạc. Bếp đã có ông Táo coi hộ. Không cho tiền lên ngã sau.

Nói chung, bầu bạn với quá nhiều thứ, nên tâm không định, thấy chi cũng sợ. Mưa, Đâu Hũ sợ cây rơi trúng đầu, chết. Gió, Đâu Hũ sợ đổ cột điện đè lên người, tiêu. Phải nói, có quá nhiều thứ để sợ. Thành đến chỗ nào, thấy có thứ gì có thể bảo vệ được mình, Đâu Hũ liền thỉnh về thờ cùng Phật. Một người bảo vệ sao bằng năm người?

Thờ nhiều nhưng buồn hay vui, có tiền hay không, Đâu Hũ chỉ nói với mình ông địa. Bởi bàn thờ ông có một bình xăm và cuốn sách bói. Có thể lặc xăm xin quẻ dễ dàng khi cần. Nhưng đó chỉ mới một phần. Cái chính là ông không như đức Phật, chỉ mới là thánh là thần gì đó, ông sẽ thông cảm với việc Đâu Hũ đang cần. Ông lại “cai quản” tiền bạc, hy vọng ông cho Đâu Hũ một ít, đỡ tủi.

Đến thiền viện rồi, bỗng nghe Sư phụ tụng tới tụng lui “Cái bàn thờ Phật sao thờ nhiều thứ”. Nghe giảng mà bụng phập phồng. Thôi thì hạ hết cho xong. Nhưng tới bàn thờ ông Địa thì bỏ không đành. Đâu Hũ không sợ “không thực không vực được đạo”, mà vì chút tình lưu luyến bấy lâu. Ông dạy nhân duyên, nhân quả cho mình. Chừng đó mà không đành lòng. Thành giờ vẫn còn cái bàn ông Địa để ở trước cửa trên lầu. Không ai nói chuyện. Tu thiền, miệng cần như quạt mùa đông. Nói gì?

Làm ăn suôn sẻ, gia đình êm ấm, ít ai nhớ đến Phật, thánh. Chỉ khi có gì xui xẻo, chèo quơ mái lật, Phật thánh mới có phần. Ngày trước những ngày tiền bạc thiếu hụt, Đâu Hũ lạy ông sói đầu. Mừng hai mươi sáu, heo quay. Ngày thường, hết cho hút thuốc, lại cho ăn tỏi, trái cây. Nhưng tránh măng cụt, vì sợ tiền bạc thiếu hụt. Xam bu chệ cũng không, vì sợ tiền chệ không vô. Sầu riêng chẳng bao giờ cúng, vì sợ nổi sầu không tiền đeo đẳng. Gai góc thế kia, tiền bạc rách hết. Thành gì thì gì, cúng kiến rất là kiêng kỵ. Kiêng hơn đàn bà non ngày non

tháng. Sợ ông trúng thực, tiền mình không cánh mà bay. Ngẫm ra, chẳng tốt lành gì. Giờ không cầu cạnh nữa, bàn thờ cũng không, đừng nói cúng kiến.

Ông từng một lần bị cho ra đường cùng với thần tài, chỉ vì số đề xin hoài không trúng. Cậu ghét cậu quăng ra đường. Không ngờ ông có thần thông, phi ngang cây nhãn bám trụ tòn ten trên đó. Chỉ ông thần tài là tội. Hình hài chẳng còn một mảnh, nát vụn như tương, không một mảnh đất chôn thân. Ngày đó, Đâu Hũ mang ông vô nhà thờ lại chứ ai.

Vậy mà, lần nào lắc quẻ xin tiền, ông cũng trả lời “Chờ đủ nhân duyên”. Ngày ấy, hai chữ nhân duyên là gì Đâu Hũ không hiểu. Chỉ biết bốc phải quẻ ấy là coi như tiêu. Trắng tay vẫn hoàn trắng tay, không gì khả quan hơn được. Chỉ một điều lạ, mỗi lần cúng dường hay biếu tặng ai thứ gì, hoa ông nở rộ bàn thờ thấy tươi. Lão chồng vẫn nói “Vọng tưởng!”. Đời này có gì không phải là vọng, nói coi ! Vọng thì mới dệt cho thơ, mới tô cho mới cuộc đời. Miễn đừng tưởng vọng thành chân là được, chứ gì!

Giờ thì mới hiểu hai chữ nhân duyên ông nói ...

Đâu có gì lạ, nhân duyên là thực lý chi phối thế gian này. Sống trong cuộc đời, không gì không phải nhân duyên. Mỗi cái quả hiện nay, không phải tự nhiên xuất hiện, đều do cái nhân đã gieo trong thời quá khứ. CHƯA ĐỦ NHÂN DUYÊN, nghĩa là Đâu Hũ chưa gieo cái nhân bố thí cúng dường v.v... làm sao Đâu Hũ đời có phước lộc? CHƯA ĐỦ NHÂN DUYÊN, thì dù Đâu Hũ đã gieo nhân rồi, mà duyên chưa đủ, phước lộc cũng không. Cầu xin sao được? Phật đã từng nói “Dù chư Như Lai xuất hiện ở đời hay không, các pháp vẫn như thế, vẫn quyết định tánh ấy, vẫn theo duyên như thế”. Phật còn nói vậy, Địa làm gì được. Đâu Hũ phải chờ cho đủ nhân duyên là lẽ tất nhiên.

Thôi thì, Đâu Hũ đã có nhân duyên với Địa. Để ông lại đó làm bạn tu hành. Phật có hoa thì Địa cũng có hoa. Phật có trái cây thì Địa cũng có trái cây. Nhưng Phật không heo quay thịt vịt, thì Địa cũng không được dùng heo quay thịt vịt. Thuốc rượu cũng không. Cái đó Phật tử tại gia còn không được dùng, huống là thần thánh tu hành. Châm dứt là tốt.

Mới hay ở đời, đừng có đại dột mà nói sự thật cho chúng nó biết. Chúng biết mình không năng lực ban phát tài lộc cho chúng, chúng liền phỉ tay. Nói chuyện cũng không, đừng nói cúng kiến. Chúng sanh là vậy. Bạc bẽo vô ngần! Biết mình chỉ là cái bóng không làm gì được, chúng liền quẳng ngay. Đừng nói là cung với kính hay những thứ khác. Chỗ này mới thấy thông cảm cho người. Có khi không phải người không muốn nói sự thật. Nhưng nói thẳng ra, chúng không chịu tin. Nếu tin được rồi, có khi mình ... đói. Nên đành bám bụng huyền thiên. Có vậy mới có cái ăn.

Ngẫm ra, Địa kia rất tội. Có sao nói vậy. Chỉ chút chùng đó không thương sao được. Đâu Hũ đâu thể hạ bệ đoạn tình đoạn nghĩa cho đi cái vù như mấy vị kia.

Cho nên, hương hoa vẫn đủ, chỉ cùng chay lạt tu hành, mai sau Linh Sơn còn gặp ...

---o0o---

### **Thiền Và Duy Thức**

Nhìn con bé nhắc bông con mèo mới thấy dễ thương. Tình cảm trên tay, thương yêu trong mắt. Nhẹ nhàng, nâng niu ... Song không phải khi nào nó cũng dễ thương như vậy. Cái mặt bạnh ra khi không vừa lòng mới thật đáng ghét. Một nụ phù thủy không kém không hơn. Tình cảm của mình theo đó như nước thủy triều, khi lên, khi xuống, khi ghét, khi thương. Ừ ơ vậy đó, nên Tổ Long Thọ mới rằng :

*Mắt, tai và mũi, lưỡi*

*Thân, ý là sáu tình*

*Mắt v.v... sáu tình*

*Theo sắc ... là sáu trần*

MẮT vốn không tình, chỉ vì theo SẮC TRẦN mà có thương ghét. TAI cũng không tình, chỉ duyên theo THANH TRẦN bên ngoài mà hiện buồn vui. Với Duy thức, khi mắt thấy sắc, không phải chỉ có mắt và sắc, mà là duyên hội của rất nhiều thứ. Nói lược có ba :

1/ Căn.

2/ Trần.

3/ Thức.

Nói đủ đến mười :

1/ Bản thức.

2/ Chủng tử nhãn thức.

3/ Mạt na.

4/ Ý thức.

5/ Nhãn thức.

6/ Nhãn căn không hoại.

7/ Tác ý muốn thấy.

8/ Có cảnh làm sở duyên để duyên.

9/ Khoảng giữa không chướng ngại. (Với Duy thức học, là duyên “ánh sáng”)

10/ Trong vùng có thể thấy.

*(Lời của Tổ Hiền Thủ trong Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Kỳ)*

Trong cái duyên là NGHIỆP THỨC CON NGƯỜI, phải đủ 10 duyên, mình mới thấy được cảnh giới trước mắt. Chỉ cần thiếu một, mình không thể thấy con bé nâng niu con mèo.

Khi mắt thấy sắc, việc của nhãn thức chỉ là liễu biệt cảnh của riêng nó. Cảnh hiện thế nào, nhãn thức nhận biết đúng như thế ấy, như máy ghi hình không thêm không bớt. Khi nhãn thức sanh, ý thức sanh cùng. Ngay sát na đầu, ý thức cảm nhận hình tượng sự vật hiện lượng như chính nhãn thức. Nhưng qua sát na thứ hai, tất cả đều bị ý thức phân biệt chi phối. Do sát na đầu qua đi quá mau, nên mình không thể nhận biết. Chỉ lưu lại phần ý thức phân biệt, huân tập qua bao đời kiếp, rồi cho đó là tâm mình. Thấy, nghe, hiểu, biết đều bị quan niệm định kiến chi phối. Cho nên, cảnh này mới làm mình vui, lời kia mới khiến mình buồn. Cái này sao thấy quá lớn, lời kia sao không văn hoa v.v... 6 căn biến thành 6 tình, đánh mất cái khoảng ban đầu quý báu.

THIỀN, là sống với khoảng ban đầu quý báu đó. Là khoảng pháp được nhận biết đúng như chính nó, không bị định kiến của ta chi phối. Đó là cửa vào thẳng tất chư vị thiền sư muốn dạy cho các thiền sinh.

Cư sĩ Hoàng Đình Kiên tự Lỗ Trực, theo thiền sư Hối Đường xin chỉ cho chỗ thẳng tắt. Hối Đường bảo :

- Như Không Tử nói “Này các trò, cho ta là giấu diếm ư? Ta không có gì để giấu diếm”.

Lỗ Trực suy nghĩ.

Thấy vậy, Hối Đường nói :

- Không đúng, không đúng.

Lỗ Trực càng thêm u tối.

Một lần, theo hầu Hối Đường dạo núi, hoa quế đang rụng đầy, Hối Đường hỏi :

- Ông có nghe mùi thơm hoa quế chẳng?

Lỗ Trực gật đầu.

Hối Đường bảo :

- Ta không giấu gì ông.

Lỗ Trực chợt tỉnh, liền lễ bái :

- Hòa thượng đúng là tâm lão bà tha thiết.

Hối Đường cười :

- Chỉ cần ông về đến nhà.

Ngay cái chỗ nhận biết được mùi thơm của hoa quế, là cửa vào của người tu thiền. Song mình không nhận được cửa vào, vì còn bận chạy theo mùi thơm của hoa quế, còn bận dỗi mắt thương ghét với những được, mất, hơn, thua trong



hiện tại. Ngay đó mà không về. Rong ruổi buồn vui cho giòng đời thêm bạt, đường về thêm xa. Nên mới bình rằng :

*Chẳng từng giấu, chẳng từng giấu*

*Đầy đường hoa quế ngát hương thơm*

*Hỏi ai chưa ngộ tìm đâu nữa*

*Nhà Tổ xưa nay cửa vẫn không*

*Ôi!*

*Ai đã từng nghe hoa quế thơm?*

*Thế ấy, chớ làm!*

*(Ngũ Đăng Hội Nguyên)*

---o0o---

### **Phúc Đức Và Chứng Ngộ**

Thầy tu rồi mà sao cực quá! Tôi thường thức lời nói đó như một làn gió thoảng. Vô tư không dấu vết. Chung quanh chỉ núi với núi, không cực sao được. Vậy mà mấy chục năm sau, ý tưởng đó lại đến với tôi. Tu rồi mình còn cực hơn. Tu là gieo thiện nhân, đáng lẽ mình phải sướng. Tu là chuyên nghiệp cũ, đáng lẽ mọi việc phải hanh thông. Nhưng công việc hình như thêm nhiều. Vẫn có nhiều chuyện để giải quyết. Bởi ngoài việc đời, giờ còn việc đạo. Ý nghĩ đó không chỉ dừng lại ở bản thân, mà bắt đầu soi chiếu thêm ra ngoài...

Hắn tu, sao lại cực? Hắn tu, sao quanh hắn toàn chuyện rối ren? Hắn tu sao cực, hắn tu sao rối ren, là ám chỉ việc tu của hắn có vấn đề. Minh tu sao cực, minh tu sao ren rối, là ám chỉ nhân quả hình như không chính xác. Cứ vậy mà tâm càng rộn, việc càng nhiều. Chuyện mình, chuyện người theo đó cứ xoay quanh.

Xuất hiện ý tưởng đó, chỉ vì tu mà dính mắc vào phước hữu vi. Tu, nhưng chưa hiểu hết ý nghĩa của việc tu hành. Tu, đúng là chuyên nghiệp nhưng cần nhớ các việc sau :

**1. Nhân quả không phải chỉ xảy ra trong tức khắc mà cả ba đời.** Gieo nhân, ĐỦ DUYÊN mới có quả. Có nhân, CHƯA ĐỦ DUYÊN, quả cũng không thành. Nhân quá khứ quá xấu, quả hiện đời nếu chuyên cũng chỉ bớt xấu. Thành tu rồi mà cảnh hiện đời chưa vừa lòng là chuyện bình thường.

**2. Cái gọi là phước và vô phước chỉ là những hình thức tương đối.** Thứ thiên hạ gọi là phước, với mình chưa hẳn đã tốt. Thứ không phải phước, với mình biết đâu là cơ duyên tu hành? Vì thế, không nên CHẤP nhất trên những hình tướng bên ngoài, rồi soi rọi từ mình ra đến thiên hạ.

**3. Tu tuy chuyên nghiệp, nhưng nếu là định nghiệp, thì cảnh không thể chuyên,** chỉ có thể chuyên ngay tâm. Muốn chuyên ở tâm thì tâm phải bất động

với ngoại cảnh. Tâm không, thì sự dù có cũng thành không. Bởi tâm tịnh thì cõi giới tịnh.

Cho nên, đến với thiền, trong việc tu hành mình cần có ý thức : Tu không phải để nhàn thân, không phải để mọi thứ chung quanh diễn biến vừa lòng, mà để TRỊ CÁI BỆNH CHẤP THỦ THÂM CĂN CỐ ĐỂ của người tu. Không chấp thì tâm đương nhiên bất động với ngoại cảnh. Sướng hay khổ không làm mình bận lòng. Cảnh đến, dù vừa lòng hay chưa vừa lòng cũng không làm mình thối tâm tu hành. Thân rồi sẽ nhàn, tâm rồi sẽ yên, không phải chỉ do cảnh bên ngoài đưa đến, mà do chính trí tuệ và lòng từ của mình hiển phát.

Hành trạng của chư vị thiền sư, không phải vị nào cũng có một hoàn cảnh tuyệt hảo hay một thân tướng tuyệt mỹ. Đại Đăng, chân đau gối nhức quanh năm. Lai Toản, thân ngũ cây đậu, đầu kê núi đá. Thiêu Thủy, hành khát tham thiền, bán giày cỏ lấy tiền nuôi thân. Bạch Ân, chịu tiếng oan, xin sữa về nuôi trẻ. Không phải chỉ có chư vị thiền sư mà ngay cả Lục Tổ, nhận y bát xong, vẫn còn lưu lạc tỵ nạn cùng đám thợ săn mười mấy năm trời. Rõ ràng, phước hữu vi chưa hẳn là thứ biểu trưng cho công phu tu hành trong hiện đời của người tu. Không phải mà mình cứ chạy theo, vui mừng dính mắc, lấy đó làm công đức tu hành, thì tâm Bồ đề dễ thối, tâm thỏa mãn dễ sinh. Tâm thỏa mãn đã sinh thì bệnh chấp trụ liền kề. Phước có khi thành họa.

Thiền sư Vân Cư, cất riêng một am nhỏ nơi chỗ Động Sơn tu hành. Có đến mười ngày không thấy Vân Cư đến dùng cơm, Động Sơn hỏi : Những ngày qua, sao không thấy ông đến trai đường dùng cơm?

Vân Cư thưa : Mỗi ngày đều có thiên thần đem cơm đến cúng dường.

Động Sơn nghe xong liền nói : Ta bảo ông là kẻ vẫn còn tri giải. Ông rảnh, chiều lại.

Chiều Vân Cư đến. Động Sơn lớn tiếng gọi :

- Am chủ!

Vân Cư cung kính :

- Dạ!

Động Sơn hỏi :

- Không nghĩ thiện không nghĩ ác là cái gì?

Vân Cư trở về am ngồi lặng lẽ, thiên thần tìm mãi không thấy, trải qua ba ngày như thế mới thôi cúng dường.

Tu hành chân chính, đương nhiên phải có cái quả tốt đẹp. Nên lỗi, không phải vì được thiên thần cúng dường. Lỗi, không vì một chút thọ nhận cúng dường. Lỗi, vì phước hữu vi chưa phải là chỗ mà kẻ tu Phật an trụ. Tâm chưa đủ không, thiên thần mới thấy để mà cúng dường. Vì thế, Động Sơn đã quát “Ngươi là kẻ vẫn còn tri giải”.

Cho nên, với người tu thiền, có được quả phước hiện đời, không bằng tâm chứng được tánh phước đức. Phải nhận cho được thực tánh của mình cùng với chúng sanh đồng một cội nguồn không khác.

Đến với thiền, chỉ để cúng dường hộ Tăng hay nghiên cứu cho vui thì không có gì để bàn. Song đã phát tâm đi trên con đường thượng thừa, thì mình cũng cần suy nghiệm những gì Động Sơn đã nói. Được hay chưa, đều nên lấy đó làm chuẩn phải đến của mình, không kiếp này thì kiếp sau, không kiếp sau thì kiếp sau nữa. Nhờ cái chuẩn đề ra đó, mình mới không thối tâm vì hoàn cảnh bất toàn, cũng không có tâm an trụ vì hoàn cảnh quá toàn. Tu mà ngày càng rối ren bộn lòng, thì việc tu hành cũng cần coi lại. Phải quẳng bớt những gì cần quẳng. Thứ gì không có không chết, có chỉ thêm nhọc thân hành tâm, thì cố gắng bỏ. Thứ gì không có, lại thiếu phương tiện vực đạo thì phải tạm dùng. Dùng mà không dính. Đó chính là tu.

---o0o---

### Chuyện Cái Thất

Thiên hạ không tu, cũng có đất quanh Thường Chiếu. Có đất đã xây thất. Có đất để đó không xây. Tôi thấy thiên hạ có đất, dù có thất hay không, thấy đều rất thích. Cái thích ấy giờ mới toại nguyện. Đất rồi cũng có. Không lớn cũng không nhỏ. Đương nhiên phải xây liền một cái thất.

Thất vừa tính xây, ngay đúng tháng 7. Thiên hạ bàn vô “Tháng 7 xây nhà cô hồn quạ phá. Tính kiểu chi đó?” Nghe cũng động tâm. Nhưng ngẫm cho cùng, nếu qua tháng 7, vật giá leo thang kiểu này, nhất định nhà còn ... nửa cái. Coi ra đáng sợ hơn cả cô hồn. Thôi thì khởi công ngay rằm tháng 7 cho xong. Tiền yên mà tâm cũng yên. Cô hồn kệ nó.

Thất vừa xây xong, Ni viếng vội qua. Nhìn quanh nhìn quất, ngẫm tới ngẫm lui, Ni phán :

- Cái cửa nhỏ quá!
- Dạ thưa, đồ cũ tận dụng.
- Làm sao khiên cái hòm ra?

Trời đất! Nhà mới xây xong, chưa ở đã tính chuyện chết.

- Dạ đâu đã ở mà tính khiên ra?

Như vừa ngộ ra điều gì, Ni cười như hoa :

- À không. Sư phụ đã làm cái nhà phúng điếu. Có gì để ở ngoài đó, không cần vô đây.

Mô Phật! Xin bái thiên ni.

Hôm nay vừa xuống tới nơi, nhận được tin mới :

- Dạ thưa, Sư cô LB có cho bó nhan.

- Để ăn tân gia?

- Chắc vậy.

Coi như gần đủ. Xoay qua, thấy nhỏ cầm cái máy ảnh canh tới canh lui, mới nhớ còn thiếu tấm hình. Chụp đây một tấm, có gì còn có để ... thờ.

Vậy là đủ bộ. Có quà tân gia.

---o0o---

### **Con Khỉ Bên Trong**

Cô em ngày nào cũng chửi cô chị. Bởi cô chị tung tung mà cô em thì không tỉnh. Cô chị làm duyên cho cô em. Cô em lại làm duyên cho cô chị. Vô minh duyên hành, hành duyên thức ... Hai chị em cứ thế mà chửi nhau. Nghiệp miệng càng tăng. Sân giận càng nhiều. Vòng trói buộc theo đó nối tiếp.

Mình không từng nên không động miệng vô cớ như cô chị, nhưng không tránh khỏi như cô em khi đời sống không thuần một màu hồng. Khó mà không sân khi người ta nói ngang. Khó mà yên ổn khi người ta nói ngược. Song người ngược thì người lỗi. Mình nổi sân chửi lại, lỗi đó lại thuộc mình.

Mình lớn tiếng, vì mình không biết việc đó đem lại tổn hại cho mình. Mình không biết mọi suy nghĩ hành động của mình đều khắc sâu trong tâm thức như những vết hằn trên lưng ngựa hoang. Thứ gì mang hơi hướm vị tha, nhẹ nhàng ... nó như con trai ngậm cát, một hạt trai xuất hiện trong tương lai. Thứ gì mang hơi hướm tham lam, sân giận ... đều để lại vết hằn nhức nhối không chỉ trong hiện tại. Đó là đứng trên mặt quả báo phước đức mà nói. Trên mặt tâm thức, một khi mình thực hiện quen thứ gì, nó có lực bắt mình theo nó như nước theo dòng. Không chửi không chịu được. Không lên tiếng thở không trôi. Mình nghiệm chửi nghiệm la như nghiệm xì ke ma túy.

Vài tháng tôi lại bị một đợt nóng sôi sục thêu đốt ruột gan. Cái nóng khiến mình tức tối, chỉ muốn hét cho hả hơi, chỉ muốn bằm nát mọi thứ. Một đợt nóng có chu kỳ. Tôi khám phá điều ấy khi thực hành pháp “Biết vọng không theo” của Hòa thượng Trúc Lâm. Vì muốn không theo, phải biết cái gì là vọng, phải biết tâm mình đang chất thứ gì trong đó. Buồn, vui, suy nghĩ, nhớ nhung, đau khổ v.v... Tất cả những gì hiện lên trong tâm, mình đều phải biết. Nhờ quá trình đó, mới hay mẽ lửa trong tâm, nó có chu kỳ. Nguyên do nào nó nằm đó, phát tán âm thầm, mình chưa thấu được. Chỉ biết, việc bên ngoài là duyên để mẽ lửa bên trong có cơ bùng phát, không phải bản chất sự việc là thứ làm mình sân giận. Không có mẽ lửa âm ỉ kia, việc bên ngoài dù bức bối bao nhiêu, cũng không khiến mình phải hét hay la.

Mẻ lửa tuy thấy có sẵn trong mình, nhưng là cái quả mình đã huân tập từ bao kiếp trước. Nếu không huân tập thì nó không có. Không chỉ với sân, tham dục, kiến thức v.v... tất cả hiện diện trong mình đều theo qui luật huân tập. Thứ gì quen nhiều, thứ đó có lực khiến mình thông thái giỏi giang về nó khá nhiều. Chửi một lần, không ý thức việc đó tai hại, chửi tiếp lần hai. Chửi lần hai thấy được việc, chửi tiếp lần ba. Cứ vậy, một ngày một ít, tập quen với nó lúc nào không hay. Một khi chửi đã thành quen, cái chửi nó bắt mình chửi, không phải là mình làm chủ cái chửi. Do mỗi ngày tập quen với nó một ít, nên hiện đời nó sai sử mình. Đụng chuyện là hét. Nó chính là nhân, khiến bất cứ chuyện gì bên ngoài cũng thành cái duyên để mình nổi sân. Một khi đủ duyên bộc cháy, nó sẽ lan mãi không ngừng. Nó có cái lực khiến mình hăng tiết. Hăng tiết là duyên để lửa thêm nồng. Vết hằn xéo tâm càng đậm.

Ngưỡng Sơn hỏi thiền sư Hồng Ân ở Trung Ấp:

- Làm sao thấy được Phật tánh?

Sư đáp:

- Ta vì ông nói một ví dụ. Như một nhà có sau cửa. Trong có một con khi. Ngoài có một con khi kêu chóc chóc. Con khi bên trong liền kêu chóc chóc đáp lại. Sáu cửa đều đáp như thế.

Ngưỡng Sơn lễ tạ thưa:

- Nhờ Hòa thượng ví dụ nên con đã rõ. Lại có một việc. Như con khi bên trong ngủ, con khi bên ngoài muốn gặp thì sao?

Sư bước xuống giường thiền, nắm tay Ngưỡng Sơn múa:

- Chóc chóc, ta cùng ông thấy nhau.

Hỏi làm sao thấy được Phật tánh? Trả lời “một con khi” kêu ra sáu cửa. Song CON KHÍ KÊU đó chưa phải là Phật tánh. Chỉ là DỤNG của Phật tánh. Sân là dụng hiện hành của con khi đang kêu. Dụng này do mê mà có. Do mê nên cái quả của nó là đau khổ và bất an. Vì được huân tập trong bao đời kiếp, nên thấy cái gì gai mắt liền bực, nghe cái gì không đúng liền sân, ăn nhằm hạt sạn nổi dóa, ngửi phải mùi hôi phát khùng, dầu bắn vào người nổi điên, nghĩ đến chuyện nó nói ngược mà cổ uất nghẹn. Con khi bên ngoài làm duyên cho con khi bên trong lên tiếng. Nếu con khi bên trong đã ngủ, tức mê tham sân si được lắng yên, thì con khi bên ngoài dù kêu bao nhiêu, mọi thứ vẫn bình yên. Mọi động tác thì vì lúc đó đều là diệu dụng thanh tịnh của tâm. Dụng thanh tịnh thì hiện tại an vui, tương lai cũng an vui.

Mọi đáng tiếc xảy ra hiện nay, con giết cha, vợ giết chồng, nhân loại tàn sát lẫn nhau v.v... đều do không thấy được con khi đang kêu này. Mình không ý thức được sự tai hại của con khi đang kêu. Mình không nhận định được con khi sắp kêu, con khi vừa kêu hay con khi đã kêu. Mình nhập chung mình với nó nên có

sự mới ra như vậy. Nếu nhận định được con khi sắp kêu hay đang kêu, rồi dừng ngay không cho nó kêu nữa, thì mọi thứ sẽ yên ổn hài hòa.

Việc đầu tiên để con khi ngủ yên, là mình phải NHẬN DẠNG được con khi của mình. Trước là nhận cho được HÌNH TƯỢNG con khi đang kêu. Sau là nhận cho ra THỰC TƯỢNG của con khi ấy. Nghe chuyện tâm nổi bực, thì phải nhận dạng được cái bực đó. Thấy bực là biết con khi của mình đã kêu. Kêu rồi thì bịt miệng nó lại đừng cho nó kêu tiếp. Nó mở miệng là mình bịt. Bịt không xong, phải làm công tác tư tưởng cho nó, để nó chịu yên. Từ từ nó chán nó ngủ ... Khi nó ngủ rồi thì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài dù thế nào, tâm mình cũng an nhiên tĩnh lặng. Tắm gió thổi chẳng động là đó. Không phải con khi ngủ yên hoàn toàn mình mới nhận được trạng thái an nhiên tự tại. Việc nào con khi ngủ yên, mình nhận liền sự an nhiên trong công việc đó. Khi tất cả thời, tất cả chỗ mà con khi ngủ yên hoàn toàn, thì Thiền sư Hồng Ân cùng Ngưỡng Sơn sẽ nói với mình “Ta cùng con thấy nhau”.

---o0o---

### **Hiểu Và Ngộ**

Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích đến Mân Nam tham vấn. Giữa đường gặp tuyết rơi, phải tạm tá túc trong viện Đại Tạng đàm luận với thiền sư Quế Sâm mất mấy ngày. Tuyết dứt, Văn Ích từ giả tiếp tục hành cước. Quế Sâm tiễn Pháp Nhãn đến sơn môn, liền chỉ tảng đá bên đường hỏi :

- Đại đức thường nói tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, chẳng hay tảng đá này trong tâm đại đức hay ngoài tâm đại đức?

Pháp Nhãn không cần suy nghĩ, đáp liền :

- Theo Duy thức, ngoài tâm không có pháp, đương nhiên là ở trong tâm.

Quế Sâm cười :

- Đại đức là tảng hành cước, có sao để tảng đá trong tâm?

Pháp Nhãn đờ lơ không biết trả lời, phải ở lại giải quyết cho xong mối nghi.

Tảng đá thì ai cũng thấy ngoài tâm. Song luận Duy Thức lại nói ngoài tâm không có pháp. Tổ đã nói thì không phải chuyện đùa. Vậy nó ở đâu? Với tâm thức hiện nay của mình thì câu trả lời vẫn là trong tâm. Đó là cách suy nghĩ thường tình của người đời : Không bên này thì bên kia, không trong thì ngoài, không ngoài thì trong, không xấu thì đẹp, không đẹp thì xấu v.v... không bao giờ thoát được sự chia chẻ hai bên của trí phân biệt. Song nếu trong tâm, vì sao Quế Sâm lại hỏi “Có sao để tảng đá trong tâm?”.

Tảng đá ngoài tâm thì trái với lời Tổ. Tảng đá trong tâm thì bị Thiện tri thức cười. Vậy nó ở đâu? Không trong cũng không ngoài. Hội chăng? Một chút ngàn năm ... đã qua mất rồi!

Ở lại viện Địa Tạng, hằng ngày Pháp Nhãn đều đến trình kiến giải với Quế Sâm, nhưng Quế Sâm đều lắc đầu, cho cái thấy của Pháp Nhãn chưa thấu triệt. Lần nào Quế Sâm cũng trả lời : Phật pháp không phải những thứ ấy.

Cuối cùng Pháp Nhãn than :

- Con đã cùng lời hết ý rồi.

Quế Sâm nói :

- Nếu luận bàn về Phật pháp thì mọi người sẵn đủ.

Ngay lời nói ấy Pháp Nhãn đại ngộ.

Không phải chỉ Pháp Nhãn mới biết cái mà mọi người đều sẵn đủ đó. Mình thừa biết đó là Phật tánh. Song đó là hiểu không phải ngộ. Vì sao? Vì trong đầu mình chỉ mới xuất hiện hai từ Phật tánh chứ chưa thấy được cái Phật tánh ấy hình dạng ra sao, mặt mũi thế nào. Ngộ chính là nhận biết nó ra sao, hình tướng thế nào. Mình sẽ mau mắn “Nó vô tướng”. Ủ! Nó vô tướng, nhưng nó vô tướng ra sao? Nếu nó vô tướng thì dựa vào đâu để biết nó có? Nếu đã có tướng để thấy, dù là tướng không, thì làm sao nói nó vô tướng? Đã có tướng để thấy thì nó là cái BỊ BIẾT, chỉ là tướng hư vọng, không phải là Phật tánh. Phật tánh không rơi vào cái thấy năng sở. Nếu nó không tướng, sao kinh Bát Nhã nói “Tướng không của các pháp không sanh v.v...”. Rất nhiều thứ để mình lầm lẫn và nghi hoặc khi chỉ dùng tri thức học hỏi để hiểu những thứ vượt ngoài tri thức. Thành NGỘ và HIỂU tuy đồng chỉ cho sự thông thấu, nhưng thật là cách xa một trời một vực.

Chính vì HIỂU và NGỘ không giống nhau, hay nói thông thoáng một chút, ngộ có nhiều lớp : Có cái ngộ chỉ mới là sự thẩm thấu từ sách vở, hoặc do suy luận mà ra. Có cái ngộ do chính mình bật ra, nhưng vẫn chỉ là một dòng kiến giải, chưa thoát khỏi ngôn từ. Có cái ngộ là thể nhập một cảnh giới. Có cái ngộ là chứng mà không có cảnh giới để chứng v.v... Do ngộ có nhiều lớp nhiều lang như thế, mà trong nhà thiền xuất hiện nhiều chuyện lý thú.

Một lần Tô Đông Pha đến thăm Phật Ấn, viết thư báo trước rằng “Hãy như thiên sư Triệu Châu đón Triệu Vương, không cần ra ngoài”. Ông cho mình có trình độ hiểu thiền thâm cao, nên muốn Phật Ấn dùng lễ thượng thừa đón mình như Triệu Châu từng đón Triệu Vương. Song vừa đến nơi đã thấy Phật Ấn lù lù ở cổng. Ông trách “Đạo hạnh của thầy xem ra không bằng Triệu Châu. Vẫn không thoát được thói thường tình”. Không ngờ Phật Ấn dùng kệ đáp rằng :

*Triệu Châu ngày ấy thiếu khiêm nhường*

*Không ra tận cổng đón Triệu Vương*

*Đâu giống Kim Sơn vô lượng tướng*

*Đại thiên thế giới một gương thiền*

Chỉ hiểu Phật pháp qua chữ nghĩa sách vở, chưa có sự thực nghiệm, nên xem kinh thì vướng kinh, thấy tướng liền dính tướng, mà không thấu được thực chất của những thứ ấy. Triệu Châu không ra nghinh tiếp Triệu vương vì cho Triệu Vương là bậc thượng cơ. Nhưng không phải cứ bậc thượng cơ là cứ theo cách đó mà nghinh tiếp. Có khi vì tâm tâm tương đắc mới ra tận cổng đón nhau. Nghĩa là, tướng bên ngoài chưa hẳn là thứ quyết định được bản chất sự việc, dù có khi nó như thế. Khóc, thường biểu hiện cho chất buồn. Nhưng có khi vui quá, nước mắt cũng rơi. Thành cái tướng nước mắt đó, không dứt khoát là tướng biểu hiện cho chất buồn hay vui. Cũng như không phải cứ ra tận cổng như thế, thì cốt cách đã không bằng người xưa. Mọi thứ đều lệ thuộc vào duyên. Hãy nghe Phật Ấn nói :

*Đâu giống Kim Sơn vô lượng tướng*

*Đại thiên thế giới một gương thiên*

Ồi trời! Trùm khắp Tam thiên đại thiên thế giới như thế thì tướng gì ra tướng gì vào? Anh chỉ thấy được tướng ra tướng vào mà không thấy được tướng “không ra không vào”, bởi anh chưa thoát khỏi trí phân biệt. Chính vì trí phân biệt đó mà mọi thứ thành phân chia khúc đoạn như hiện nay.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật ví chúng sanh như những người bị nhắm mắt thấy có vân tròn quanh bóng đèn. Vân tròn do mắt bệnh mà có. Bệnh lành thì vân tròn cũng không. Tức ngoài mắt bệnh không có vân tròn. Ngoài tâm không có pháp cũng vậy. Thấy mọi thứ hiện diện, có đến, đi, trong, ngoài như hiện nay, chẳng qua do tâm bất giác từ thời vô thủy mà thấy. Không phải pháp vốn như thế. Vì cái nhìn của Tô Đông Pha còn bị hạn cuộc trong trí phân biệt, nên Đông Pha thấy Phật Ấn có đến có đi, nào phải Phật Ấn có đến đi.

Vậy thì ... tảng đá là ngoài tâm hay trong tâm? Luận thì cũng ra, nhưng muốn thấu đáo thật sự, cần lìa ngôn luận, phá thẳng vào trí phân biệt mới xong. Muốn phá vào trí phân biệt thì làm thế nào? Chạm duyên xúc cảnh, tâm khởi liền biết, biết rồi liền ngưng, không cho nối tiếp. Một lúc nào đó, phân biệt cũng dừng. Còn, niệm khởi không biết, biết rồi liền theo, thì ... Giường thiên xơ xẩy, huyệt chân cổ gãy.

---o0o---

### **Làm Thế Nào Để Có An Lạc?**

Có ba Phật tử thỉnh vấn thiền sư Vô Đức : Xin hỏi Thầy, làm sao để có an lạc?

Thiền sư Vô Đức không trả lời mà hỏi lại:

- Các ông nghĩ là thế nào mới gọi là an lạc?

Ba vị trả lời :



- Có tiền bạc là an lạc.
- Có tình yêu là an lạc.
- Có danh vị là an lạc.

Tuy ba kiểu, nhưng chung qui không ngoài ba thứ tình, tiền và danh vọng. Đó là tất cả những gì mà đa số chúng ta hiện nay đang xả thân vì nó. Vì thế khi được hỏi thế nào mới gọi là an lạc, ba vị liền trả lời : Tình, tiền và danh vị.

### **Tiền bạc chưa chắc mang lại hạnh phúc**

Khi đã hỏi “Làm sao để có an lạc?” thì biết cuộc sống hiện tại không mấy an lạc. An lạc rồi thì chắc chẳng ai hỏi làm chi. Muốn có an lạc mà nghĩ tiền bạc là thứ mang lại an lạc thì biết người trả lời không phải là người may mắn về tiền bạc. Không có nó, cuộc sống mình không an lạc. Không có nó, mình thất bát khổ nạn ... nên mới nghĩ có tiền là có an lạc. An lạc là trạng thái an vui nhẹ nhàng không vương bận lo âu. Song tiền bạc có thật là thứ làm mình an vui? Trả lời “không” thiên hạ nói mình xạo, thành phải nói có. Quả tình, tiền bạc giúp mình thư thả hơn trong cuộc sống khi nhu cầu về ăn mặc và mọi sinh hoạt đời thường vẫn còn là thứ cần thiết với mình. Đi đâu cũng phải có tiền. Tiền có thể giúp mình trở thành hiếu hạnh, tình nghĩa, biết điều, giải quyết được khá nhiều công việc mà ít phải tốn hao sức lực. Đó cũng là lý do thiền sư Vô Đức dạy “Có tiền phải biết bố thí”. Bố thí, chỉ cho động tác trao tặng, đưa ra. Có tiền thì phải biết sử dụng, trang trải. Cái đáng xài thì xài, không thì thôi ... Nếu mình chịu chi, biết mang niềm vui đến cho người, thì tiền là thứ mang lại hạnh phúc cho mình.

Song chịu bố thí rồi, biết cách sài tiền rồi, tiền có thật mang lại an lạc cho mình không? Thiền sư Vô Đức trả lời “Có tiền thì phiền não lo lắng sẽ theo sau”. Tiền đúng là mang lại một ít vui vẻ cho mình, nhưng để có được nó, đa phần đều phải lo lắng, đầu óc không thư thả. Đã có lo lắng cạnh tranh thì an lạc không có. Chưa kể tiền có khi còn là đầu mối của tai họa. Có khi chết chỉ vì đi một chiếc xe đất tiền hay vài phân vàng tòn ten nơi tai. Con cái hư hỏng một phần vì tiền bạc dư giả cho các cuộc vui. Tuần báo An Ninh vừa rồi, phân tích về 7 nỗi lo của những kẻ giàu nhất thế giới : Sợ thua sút người khác, sợ phá sản, sợ thuế má, tòa án, sợ lừa đảo, bạo động, bắt cóc v.v...

Nói chung thứ gì ở đời cũng có hai mặt của nó. Tiền là thứ mang lại niềm vui cho mình, nếu mình biết cách sử dụng. Nhưng không phải là thứ hoàn toàn mang lại hạnh phúc cho mình. Chủ yếu là phải làm chủ được đồng tiền, không dính mắc vào nó, thì mình mới có hạnh phúc khi có tiền.

Song có tiền mà không có tình thì muộn phiền có khi cũng lắm. Vì vậy, người thứ hai trả lời “Có tình yêu là an lạc”.

### **Tình yêu chưa hẳn mang lại an lạc**

Yêu mà không được đáp trả là nỗi bất hạnh lớn lao. Đó là điều không thể chối cãi. Không chỉ trong tình yêu đôi lứa mà cả trong tình cảm cha mẹ, anh em, bạn bè ... Không khỏi muộn phiền khi không có sự đồng cảm. Không khỏi cô độc khi phải trơ trọi một mình. Không được yêu thương quả là bất hạnh. Vì thế, nghĩ “Được yêu thương sẽ có an lạc” là chuyện thường tình trong cuộc đời. Nhưng được yêu thương có thật là hoàn toàn an lạc? Thiền sư Vô Đức trả lời “Có tình yêu, phiền não lo lắng sẽ theo sau”. Tình cảm chưa hẳn là thứ mang lại hạnh phúc cho mình. Bởi khi thương yêu thì thường có sự đáp trả hai chiều, dù không hẳn khi nào cũng vậy. Có đáp trả là có lo lắng muộn phiền. Phật nói “Có ái sinh lo, có ái sinh sợ”. Yêu thương đi liền với lo lắng và bất an.

Cuộc sống là một chuỗi nhân duyên nối tiếp trùng phùng. Nhân duyên hiện đời chưa hẳn là mối nhân duyên từ bao kiếp trước. Thặng trầm bể dâu lắm đời, nhân duyên hiện đời mười ngón tay đếm không xong. Lắm mối tối nằm không. Thành được yêu thương chưa chắc đã an vui. Song dù ôm được hết vào lòng một lúc, vẫn không tránh khỏi vô thường. Bởi không ai tránh khỏi cái chết. Một thiền sư Nhật Bản, khi nghe tin con qua đời, đã làm hai câu thơ:

*Đời như hạt sương rơi  
Tùy nhiên, tùy nhiên...*

Biết đời mong manh như hạt sương, nhưng không khỏi ưu phiền khi nghe tin con vừa mất. Càng hạnh phúc yêu thương, nỗi lo lắng mất mát càng lớn, nỗi đau đớn rức rảy càng mạnh. Người ra đi bận lòng. Kẻ ở lại khổ đau. Khổ đau cho ngang với những gì đã được hạnh phúc. Nói chung, KHÔNG CÓ khổ đã đành, mà CÓ chưa chắc yên vui. Chẳng trách Tổ Trúc Lâm nói:

*Câu có câu không  
Đau đâu lo sợ*

Cho nên, thiền sư Vô Đức dạy “Có tình yêu phải biết trang trải”.

Tình yêu trang trải là loại tình yêu không qui hướng về mình, mà cũng không qui hướng riêng ai. Bởi có riêng là có mình trong đó. Đã có mình thì không khỏi lo lắng khổ đau. Thành có tình yêu phải biết trang trải hướng đến muôn người. Trang trải, không có nghĩa là yêu thật nhiều hay trở thành cây khô lạnh giá. Trang trải là yêu thương mà không dính mắc. Nó là loại tình thương được dẫn đường bằng trí tuệ Phật, hướng ta và người về đường thiện, không mang tính vị kỷ.

### **Danh vị chưa hẳn mang lại an lạc**

Danh vị, thiền sư Vô Đức nói “Có danh vị, phiền não và lo lắng sẽ theo sau”. Không một thành công nào không phải gắng sức. Đạt được đã mất sức. Giữ cho vững còn mất sức hơn. Tôi đã dành hết quãng đời thơ trẻ để bảo tồn danh vị cho mình. Vị trí hàng đầu không thể của ai ngoài tôi. Tôi bị mắng và ăn đòn nhiều hơn một học trò dốt. Phải gác mọi vui chơi, giải trí và cả bệnh tật. Chỉ có đàn, đàn đến phát bệnh để giữ vững danh vị hàng đầu. Song ý chí con người không

thể phăng tới khi thân thể đã kiệt quệ. Cuối cùng ... thà bỏ cuộc hơn là đội trên đầu một cái mông. Không ngờ “thà bỏ cuộc” lại mở ra một khoảng trời mới. Nước mắt thầy cô vô hiệu khi đứa trẻ đã “giác ngộ”. Thanh thân nhẹ nhàng biết bao khi vứt gánh nặng khỏi vai mình.

Nói vậy, không phải để khuyên mọi người phá bỏ tinh thần cầu tiến hay tán thán việc bỏ học. Đến với đạo mình còn phải học, phải làm, hướng là ngoài đời? Có điều không nên dính mắc vào đó quá nhiều khiến mọi việc trở thành tội tệ. Hiện nay tình trạng trẻ tự tử chỉ vì không đủ sức đạt tiếp danh vị mà cha mẹ mình mong muốn không phải không có. Đó là việc tội tệ. Cố gắng, nhưng không nên để nó chi phối mình quá mức. Được thì tốt, chưa thì thôi.

Đến với thiền, tiền tình và danh vị không phải không có. Có khi còn nhiều hơn người ngoài đời. Bởi đó là cái quả được dựng từ cái nhân phước báu. Quá trình hành Bồ tát đạo là quá trình phước báu đang được gây dựng. Nhưng nó không phải là chỗ nhắm đến của người tu thiền. Không nhắm đến, nên có thì bình thản, mất cũng bình thản. Nói đến thiền là nói đến Phật tâm. Phát huy lại trí tuệ và lòng từ sẵn có của mình mới là việc chính yếu của người tu thiền. Vì thế, danh vị, tiền tài và tình cảm không phải là thứ thiết yếu để người tu vương bận. Một khi trí tuệ khai phát, danh vị, tiền tình dù đủ cũng như áng mây. Chúng đến như mây thì đi sẽ như mây. Nhẹ nhàng không vương bận. Không có gì đánh động được bầu trời tâm. Đủ hay thiếu, được hay mất ... không phải là thứ làm mình bận lòng. Sống được vậy, mới thực là có an lạc.

*Muôn duyên cắt đứt, một thân nhàn  
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tràng  
Nhấn bảo mọi người thôi chớ hỏi  
Bên kia trăng gió rộng thênh thang*

(Nhị tổ Pháp Loa)

---o0o---

### **Sai Khiến Được Ba Câu**

Nói đến thiền, thái độ im lặng thường được biểu dương là chỗ rất ráo. Cử chỉ không có ngôn từ thường được ca tụng là hạnh của kẻ hiểu thiền. Chưa hẳn! Hãy xem Triệu Châu vẫn đáp.

Đang tham thiền, Triệu Châu bảo:

- Sáng thì chưa sáng, nói tối thì sắp sáng, ông ở bên nào?

Tăng thưa:

- Không ở hai đầu.

Sư bảo:

- Thế ấy là ở khoảng giữa?

Tăng thừa:

- Nếu ở khoảng giữa liền ở hai đầu

Sư bảo:

- Tăng này ở nơi lão tăng đã bao lâu, nói năng thế ấy không ra khỏi ba câu. Song dù ra được cũng còn ở trong ba câu. Ông làm sao?

Tăng thừa:

- Con sai khiến được ba câu.

Sư bảo:

- Sao không nói sớm?

Nói sáng thì chưa sáng, vì sanh thì chưa sanh. Nói tối thì không được, vì sắp sanh mà không phải diệt. Vậy, giữa cái khoảng sáng và tối, sanh và diệt đó ông ở khoảng nào, nói ta nghe! Cha, không có công phu khó mà vào được chỗ này. Cái gì sáng sáng, Cái gì tối tối? Lắm kẻ điên đầu!

Xin đừng bỏ cuộc, vẫn còn nhiều chỗ thú vị qua giai thoại này.

Tăng đáp mau mắn “Không ở hai đầu”. Một câu trả lời sao mà đạo lý! Đúng là con cháu nhà thiền. Triệu Châu không phải tay vừa. Đầu thế chùng đó mà đủ, liền hỏi “Vậy ở khoảng giữa?”. Không ở hai đầu thì phải ở đâu trong khoảng hai đầu đó chứ! Triệu Châu muốn Tăng xác định. Nhưng Tăng không phải là hạng chỉ có cơm cháo qua ngày “Nếu ở khoảng giữa liền ở hai đầu”. Ừ! Không ở hai đầu mà cho là giữa, khác gì hai đầu? Bởi có chỗ nơi. Đã có chỗ nơi, thì dù không ở hai đầu, nó cũng không khác hai đầu. Cũng còn trong vòng sanh diệt. Là vọng, không phải chân.

Cho nên, khi có người hỏi “Làm sao phân biệt giữa chân và vọng?”. Thiền sư Thông Phương trả lời “Biết vọng là chân”. Ngay khi biết vọng, chính lúc đó là chân. Niệm niệm biết vọng, niệm niệm chân. Không cần vạch vọng tìm chân. Chân nếu thấy được, chân liền thành vọng. Cho nên, nếu nghe Trung Luận tụng rằng : Vạn pháp “không sanh cũng không diệt, không đến cũng không đi ...” mà cho chúng “đứng yên”, hay tách hai đầu mút sanh diệt ra, nhét cái “không sanh không diệt” vào giữa, cho đó là vô niệm, là ta đang nuốt phải trả mắt mèo của lão Triệu Châu. Chỉ chút chỗ này, lấy vọng làm chân, bỏ hết công lao của mình.

Trả lời đến đó, không phải kẻ có thực lực khó mà làm được. Nhưng Triệu Châu vẫn còn một câu rớt sau, liền mắng “Nói năng thế ấy không ra khỏi ba câu. Song dù ra được, cũng còn ở trong ba câu”. Nêu là kẻ còn bị ba câu trói buộc, nghe phán câu đó không khỏi tái mặt.

Triệu Châu mắng Tăng nhân, không phải không có lý do. Đến với nhà thiền, không ai không biết nụ cười của Phật Thích Ca, sự im lặng bất hủ của ngài Duy Ma, ngón tay nổi tiếng của thiền sư Câu Chi ... Những hình tướng không ngôn từ đó, thường để biểu hiện cho cội nguồn nhất tâm chân thật, dứt bật ngôn

thuyết. Song vì là kẻ có thực lực, đúng là không bị ba câu trói buộc, không bị hình tướng dẫn chạy, nên Tăng không bắt chước những hình tướng đó, mà trả lời “Con sai sử được ba câu”.

Con sai sử được ba câu. Nghĩa là, Pháp Đạt không còn bị Pháp Hoa chuyển, mà đã chuyển được Pháp Hoa. Pháp vốn không lỗi, lỗi là do mình sử dụng pháp không đúng duyên. Ngôn từ cũng không lỗi. Lỗi là do mình sử dụng nó không đúng lúc, đúng thời, dụng pháp mà chấp trước v.v... Không phải cứ có ngôn từ là không chân, im lặng mới vàng ròng. Nói hay nín đều tương ứng nếu có trí tuệ dẫn đường. Đương nhiên phải là loại trí tuệ “Mỗi mỗi từ trong hông ngực mình lưu xuất”, không phải là thứ vay mượn bên ngoài. Được vậy, tuy lời nói không y kinh luận, mà không ngoài kinh luận. Mỗi mỗi đều ứng lý hợp cơ. Không như con vẹt, dạy câu nào ôm chết câu đó, không thể tùy duyên vận dụng. Dạy một câu chào khách, ăn trộm đến nó vẫn “Chào khách!”. Dạy một câu ăn trộm, khách đến nó vẫn “Ăn trộm!”. Người dạy cái gì, nó cứ theo cái ấy mà nói. Không thể y lý tùy duyên mà dụng pháp cho thông hoạt. Chỉ vì nương tựa vào tri thức hiểu biết của người mà không phát huy được khả năng sẵn có của mình, thành mọi thứ đều hạn cuộc và hay nhầm lẫn.

Người xưa nói “Khi mê thì tứ cú đều sai. Khi tỉnh thì tất cả đều đúng”. Mê thì nói cũng trật, nín cũng trật. Tỉnh thì nói nín đều xong. Ngài Huyền Giác nói “Nói nín động tịnh thể an nhiên”. Sống được với thể tánh chân thật của mình, tức thấu suốt được thực tánh của vạn pháp, không bị hình tướng ngôn từ làm mờ mắt, thì dụng pháp dù xuôi hay ngược vẫn không lìa chân, đều là hoạt dụng vi diệu.

Song làm sao để sống được với thể tánh chân thật của mình? Thiền sư Lâm Tế nói “Các ông hiện nay biết nghe pháp, chẳng do tứ đại của các ông. Cái BIẾT ấy hay dùng được tứ đại. Nếu khéo thấy được như thế thì đi đứng tự do. Chỗ thấy của sơn tăng không ngoài pháp ấy ... Trong Ngũ Đài Sơn không có Văn Thù. Chỉ cái dùng trước mắt các ông trước sau không khác, nơi nơi không nghi, chính là Văn Thù sống. Các ông một niệm tâm sáng không phân biệt, nơi nơi thấy là chân Phổ Hiền ... Hiểu được như thế mới nên xem kinh”. Nói chung, phải làm sao phát huy được cái BIẾT của mình. Chỉ cần BIẾT rõ ràng không thêm gì khác. Thẳng tắt, đơn giản mà không lầm. Miên mật được, thì tự mình sẽ có tin tức.

---o0o---

### **Tam Tạng Được Kinh Qua Cái Nhìn Của Thiền Tông**

TÂY DU KÝ, một bộ chuyện gần như ai cũng thích. Người đời thích. Các bậc Tôn túc xưa cũng thích. Nhắc đến Tôn Ngộ Không đở hết bình đòn giải vào họng, Sư phụ cười ha hả. Cái cười của Sư phụ khiến tôi tò mò. Cứ hỏi

vì sao Tây Du chiếu trên truyền hình, khúc cuối sao mà tệ hại, xem ra phải báng đạo Phật quá nhiều, mà với Sư phụ lại có giá trị đạo lý như vậy?

Cái tật vốn lười, đọc lại nguyên bản chữ Hán Tây Du thì có mà chết. Thôi thì chỗ nào thấy họ báng, mình moi chỗ đó ra xem, coi người xưa viết gì mà các bậc Tôn túc có những nhận xét khác nhau. Không ngờ, khi Tam Tạng đến chân núi Linh Thứu trở về sau, đọc tới đâu mê mẩn tới đó. Nếu cho Tây Du là bộ ký sự gởi gắm quá trình ngược dòng hoàn tịnh của một hành giả tu Phật để đến bờ kia v.v... Cũng có cái lý để mình chiêm nghiệm.

## 1. Mở đầu

Nói “Tam Tạng được kinh qua cái nhìn Thiên tông”, không có nghĩa, đó là cái nhìn của tất cả những hành giả tu thiền. Chỉ vì trong phần luận giải, phải mượn những tình tiết liên quan đến Thiên tông mới hí luận được về nó, nên nói “Qua cái nhìn Thiên tông”. Luận ra đây, cũng không phải để chống đối hay hiển sự đúng sai đối với những quan điểm nghịch lại. Làm sao có thể khẳng định mình đúng người sai, khi mình không phải là chính tác giả? Chỉ là mượn gió đưa thuyền, mượn nôm bầy cá ... xẻ chia một chút “ngọt bùi” với những kẻ đồng duyên. Cũng là để thấy, thực lý DUYÊN KHỞI đang chi phối thế giới này : Pháp không tánh cố định, chỉ tùy duyên hiện tượng. Tùy tâm thức của từng người mà pháp pháp thành sai biệt. Cảnh SỞ DUYÊN không còn ở vị trí của chính nó, mà đã thành SỞ DUYÊN DUYÊN qua tâm thức của từng người. Ca rằng :

*Sở Duyên bày hiện*

*Duyên thành Duyên Duyên*

*Mượn gió đưa thuyền*

*Bát Nhã đồng lên*

Do chỉ tập trung vào đoạn Tam Tạng được kinh, lại “Qua cái nhìn của Thiên tông”, nên đây không bàn đến quá trình thỉnh kinh ở phần trước, chỉ lạm bàn khi Tam Tạng đến được chân núi Linh Thứu trở về sau.

## 2. Chỉ thẳng chỗ tâm chứng

Vượt bao khổ cực sóng gió, đến được chân núi Linh Sơn, 4 thầy trò Tam Tạng được đại tiên Kim Đẳng chỉ đường “Thánh tăng! Hào quang ngũ sắc lung chùng trời mà ngài thấy đó chính là Linh Thứu, cảnh giới của Phật Tổ”. Tôn Ngộ Không nói “ ... Tuy thấy đó chứ còn xa ...”.

Nguồn tâm chân nguyên vốn thanh tịnh trùm sáng, nhưng nó không phải là đối tượng để ta thấy được. Thứ gì còn trong vòng năng sở đối đãi, thứ đó có thể là chân, nhưng là đối với vọng mà nói, chưa là TÁNH THỂ tốt cùng cần đạt. Ngài Nam Tuyên nói “Không biết là vô ký. Biết là vọng giác”. So với tâm vọng động của chúng sanh, biết tuy là chân, nhưng đó chỉ mới là phần CHÂN DỤNG của TÁNH THỂ chân như, chưa phải là cái nhân PHẬT TÁNH để ta đạt được cái

quả là NIẾT BÀN PHẬT, nên nói vọng giác. Vì sợ người tu chấp DỤNG làm THỂ, nên Nam Tuyền đã phải phương tiện một câu “Biết là vọng giác”. Tuy là vọng giác nhưng không có BIẾT, thì chân núi Linh Thứu còn không có phần, nói là lên núi.

Cho nên, dù thân tâm không còn, chỉ hiện tiền một trạng thái thanh lương sáng khắp, nhưng là cái thanh lương mình còn cảm nhận được, thì vẫn chưa thoát được cảnh giới của thức ám. Chỉ mới là cảnh SỞ MINH mà kinh Lăng Nghiêm đã nói. Ngài Thiệt Nhãn nói “Lúc đó tâm của bạn rỗng rang như hư không. Bạn cảm thấy cả pháp giới hiện hữu trong ấy, như có cái gì thanh lương khó nghĩ ... Khi trạng thái này tiếp tục một thời gian mà bạn nghĩ mình đã được giác ngộ, và thấy mình ngang hàng với Thích Ca hay Bồ Đề Đạt Ma là bạn lầm. Ngôi vị này là thể hội ám thứ 5. Đây là điều mà kinh Lăng Nghiêm nói “Hội nhập cái tịch lặng, trở về bờ mé của thức”... Đây là thức thứ 8 của chúng sanh. Thức này chính là nguyên nhân đưa đến luân hồi ... Mặc dù thức này gần giống với bản tâm nhưng không phải là bản tâm”. Chính vì vậy, THẤY RỒI ĐÓ mà vẫn CÒN XA. Đạo lý vô cùng!

### **3. Cầu độc mộc và thuyền không đáy**

Sau khi Kim Đẳng kiêu từ, 4 thầy trò tiếp tục đi và gặp một con sông đang nổi sóng. Tam Tạng hoang mang. Ngộ Không chỉ cây cầu trên biển nói “Cái cầu đằng kia, qua được mới thành chánh giác”. Nhìn kỹ thì quả tình có một cây cầu độc mộc bắt vòng qua biển như một cái móng. Tam Tạng lắc đầu “Cầu này người phàm làm sao đi được. Kiếm ngỗ khác cho xong”. Tôn Ngộ Không nói “Có ngỗ khác đâu mà kiếm. Đằng nào cũng phải qua cầu này”. Nói xong, Tôn Hành Giả qua cầu rồi trở lại đất Bát Giới. Bát Giới sợ hãi, một mực đòi đằng vân. Tôn Hành Giả nạt “Chỗ này là chỗ nào mà đằng vân giá vụ? Phải qua cầu này mới thành Phật được”.

Muốn vượt biển sanh tử đến bờ giác ngộ, chỉ có cầu độc mộc và thuyền không đáy mới có thể qua được.

Cầu độc mộc là cầu chỉ có một cây như cầu khỉ. Nhưng cầu khỉ còn thẳng, cầu này cong vòng không có điểm tựa. Muốn đi được cầu này, phải ‘độc hành độc bộ’ mới qua được cầu này. Không để tâm thức rơi vào nhị biên phân biệt, mới qua được cầu này. Muốn đến bờ giác, hành giả phải phá thẳng vào trí phân biệt của mình. Trí phân biệt là TƯỚNG ĐẦU trong LỤC THÔ của luận Đại Thừa Khởi Tín. Trí phân biệt không phá, thì không thể nói chuyện làm Tổ thành Phật. Như không vào được cửa Đại Thừa Khởi Tín hay Trung Luận thì khoang bàn đến Hoa Nghiêm. Đó là con đường duy nhất để hành giả tu Phật đến được bờ kia. Chính là cửa BÁT NHỊ trong kinh Duy Ma, BÁT BÁT của Trung luận, tất cả đều PHI của kinh Lăng Già v.v... Cầu này, thần thông không làm gì được. Dù thần thông bậc nhất như Mục Kiền Liên, cũng còn không xong, huống là thuật đằng vân của Trư Bát Giới.

Cầu tuy khó đi, nhưng nếu vững tâm quyết chí thì vẫn đi được. Một khi hành giả đã xác định tinh thần tu hành rõ ràng, như Ngô Không từng quả quyết “Muốn làm Tổ thành Phật chỉ có đường này”, thì dù khó khăn bao nhiêu, mình vẫn qua được. Còn như Tam Tạng hay Trư Bát Giới, buông vọng vãi keo đã thấy nặng nề, ức chế ... tâm liền thôi lui, khó mà đi được cầu này.

Tôn hành giả qua được cầu này, nên có tên là Ngô Không. Ngô ra tánh không của vạn pháp thì đi được cầu này không mấy khó khăn. Nhân và quả không lìa nhau.

Đang phân vân thì bỗng đâu có con thuyền trôi đến, Tam Tạng cả mừng, nhưng khi nhìn lại, thấy đó là thuyền không đáy, ông thất sắc nói “Thuyền không đáy đưa người sao dặng”. Người đưa đò nói “Thuyền này không tầm thường. Tuy là không đáy mà an vững ...” Nghe vậy nhưng Tam Tạng vẫn dửng dưng, liền bị Tôn Hành giả xô ngay xuống thuyền. Sau khi bị xô xuống thuyền, thấy xác mình trôi lênh bênh trên sông, Tam Tạng qua đò đến được đất Phật, gặp được Như Lai, rồi theo tôn giả Ca Diếp và A Nan đến chỗ để kinh.

Bàng cư sĩ nói “Khó khó khó, mùi tạ dầu mè trên cây, vuốt”. Khó vì tâm mình vốn quen an trụ. Luôn phải có chỗ để bám víu nương tựa, không dễ gì chịu buông để tâm trở lại trạng thái VÔ TRỤ của nó. Sợ trống vắng, sợ mất kiến giải sở trường, sợ tan thân nát mạng ... trăm ngàn cái sợ, trăm ngàn cái ngại, thành cầu đò luôn sẵn mà ít người đến được bờ kia. Nếu chưa một lần chết đi sống lại, cái mà người xưa nói “Tuyệt hậu tái tô”, thì chưa thể nào chiêm nghiệm được tánh Phật trong chính mình. Tánh Phật chưa nghiệm, thì quả Phật còn xa.

#### **4. Văn phong của thiền sư**

Sau khi cho 4 thầy trò xem tử đưng kinh, A nan và Ca Diếp nói với Tam Tạng “Thánh tạng Đông Độ đến đây thỉnh kinh, có nhân sự chi tặng bọn ta chăng? Có thì đưa sớm để ta phát kinh”. Tam Tạng nói “Đường xá xa xôi, đệ tử không có sắm sửa”. Tổ sư trả lời “Giỏi! Giỏi! Giỏi! Đi tay không thỉnh kinh về lưu truyền thì kẻ đời sau chết đói”. Tôn Hành Giả thấy vậy, đòi kiện Như Lai. A Nan liền ngăn “Đừng có rầy rà, chỗ này không phải là chỗ chơi, ra đây mà lãnh kinh”. 4 thầy trò lãnh được kinh, lên đường trở về Đông độ.

Ca Diếp và A Nan là hai vị Tổ đầu tiên của Thiền Tông. Ca Diếp là người được Như Lai chia cho nửa tòa ngồi, vì khi Như Lai đưa cành sen lên ở hội Linh Sơn, Ca Diếp là người duy nhất nhận được ý chỉ mà Như Lai nói. Chỉ yếu của Thiền Tông là “Bất lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo, trực chỉ tâm người, thấy tánh thành Phật”. Tiếng hét của Lâm Tế, cây gậy của Vân Môn, ngón tay của Câu Chi ... không hề thông qua văn tự kinh điển, nhưng không gì không phải là lời của Phật Tổ. Nó không khác cành sen trên hội Linh Sơn. Tâm tâm truyền nhau, ngay đó mà nhận, ngay đó mà tu, không qua kinh điển văn tự. Đơn giản, thẳng tắt, nhưng phải là hàng căn cơ bậc thượng mới nhận và sống được với tâm này. Ngàn kinh muôn luận, tám vạn pháp môn, chỉ với mục đích giúp người nhận được tâm này.



Nói về văn phong của người xưa, thường chỉ có văn phong của thiền sư là quái gở và khó hiểu. Tôn Túc sập cửa làm nát chân Vân Môn. Phổ Hóa vác hòm chạy khắp 4 cửa thành. Thiền sư Gessan, mặc lời biếm nhẽ chê bai của thiên hạ, luôn bắt mọi người phải trả tiền công rất cao cho những bức họa của mình v.v... Chẳng qua vì trí tuệ của chư vị không còn bị buộc ràng trong trí phân biệt, mọi hành sự không vì bản thân mà chỉ vì lợi ích của muôn người. Nên có khi, cái thấy phàm tình của người đời khó mà biện tới. Chính vì thế, một trong bốn “Y” của một hành giả tu Đại thừa là “Y pháp bất y nhân”.

Hồng Châu Thủy Lão, lần đầu đến tham bái Mã Tổ, bị Mã Tổ đòi lễ “Ông lay trước cái đũa”. Thủy Lão liền cúi xuống lay. Mã Tổ đập một đập, Sư té nhào và hoát nhiên đại ngộ. Nếu khi Mã Tổ đòi lễ, Thủy Lão khởi liền cái thấy hướng ngoại như thầy trò Tam Tạng : Cho thái độ đó là ngạo mạn, thì việc đại ngộ hẳn không xảy ra. Cho nên, việc A Nan và Ca Diếp trao kinh vô tự và đòi phẩm vật cúng dường - với cái nhìn của người đời là hối lộ gian lận - lại là chuyện thường tình dưới con mắt Thiền Tông.

Tôn Hành Giả có thể thấy yêu ma quỷ mị biến hành, có thể thấy tướng Phật hóa hiện, nhưng tâm của chư vị Thiền Tổ thì dò không tới, mới đòi bầm báo với Phật Tổ. Mới thấy “Đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm”. Dù từng một lần đặt chân lên đất Phật, từng một lần chết đi sống lại, thì phần tập khí sở tri vẫn còn. Ngay cả hàng Bồ tát ở giai vị Thập địa vẫn còn phần sở tri vi tế ngu, nên chưa thể có cái thấy thấu suốt như chư Như Lai. Thành “Chưa ngộ như đưa ma mẹ. Ngộ rồi, như đưa ma mẹ” là vậy.

Phong cách Thiền sư thì rất đơn giản : Ngay đó liền nhận, không nhận thì thôi, không có gì để bàn tiếp. Bung ra một câu mà thấy thiền khách không nhận được, chư vị liền phủ sạch. Vì thế, A Nan nói với thầy trò Tam Tạng “Đừng có rầy rà ... thôi ra đây lãnh kinh”.

## **5. Kinh vô tự và hữu tự**

Khi nghe hai vị Tổ sư giao kinh vô tự cho thầy trò Tam Tạng, Nhiên Đăng Phật Tổ cười “Chúng tăng của Đông Độ u mê, coi sao ra kinh vô tự, thỉnh về làm sao dùng được, uổng công cho Tam Tạng”. Rồi sai người đi lấy về đôi kinh hữu tự. Nhưng do tránh thiết bạng của Tôn Hành Giả, Bạch Hùng làm kinh roi vãi tứ phía. Lúc đó thầy trò Tam Tạng mới vỡ lẽ : Kinh mình thỉnh về chỉ toàn giấy trắng không chữ. Bàn tới bàn lui, 4 thầy trò quyết định trở lại gặp Như Lai, vạch cho ra thói hư tật xấu của chư vị Tổ sư .

Không muốn thí xả mà vẫn muốn nhận được kinh, thì chỉ có một loại kinh để nhận : Kinh vô tự. Kinh vô tự là chỉ cho nguồn tâm vốn sẵn trong mỗi chúng sanh. Không tu, không thí xả, không cần cúng dường gieo duyên, không màng đến phước báu, nó vẫn hiện diện đầy đủ. Chỉ do vô minh ngăn che mà không ai sử dụng được cái dụng vô bờ của nó. Nếu có thể ngay đó trở về, một bước thể nhập, ngay đó mà sống thì chỉ cần bảo nhậm, không cần phước nghiệp gieo duyên, tất cả vẫn tròn đầy. (Đã nói trong Truyền Tâm Pháp Yếu của thiền sư

Hoàng Bá). Chư vị Tổ sư, nếu gặp được những vị thiên khách có căn cơ bậc thượng này, cũng không khuyển họ cúng dường, bố thí, nhẫn nhục ... như Tuệ Trung Thượng Sĩ nói với Trúc Lâm đại đầu đà : “Giữ giới cùng nhẫn nhục, chiêu tội chẳng chiêu phước”. Có điều, loại kinh đó khó mà truyền thừa rộng rãi cho kẻ đời sau, nhất là vào thời mạt pháp, là thời mà người tu thích văn từ chữ nghĩa hơn giới luật tu hành, thích học vị hơn tu chứng, kinh vô tự khó mà vào được, nên A Nan kết luận “Giỏi! Giỏi! Giỏi! ... thì con cháu đời sau chết đói”. Đó là lý do vì sao, không đưa phẩm vật ra, mấy thầy trò vẫn nhận được kinh mà chỉ là kinh vô tự.

Nếu không phải là hàng căn khí có thể sử dụng được kinh vô tự của mình, thì phải theo lối mòn muôn thuở mà đi, là phải có tâm thí xả mới có thể nhận pháp tu hành. Xưa, đức Phật từng phải thí xả cả thân xác cho quỷ dữ chỉ để nhận một bài kệ bốn câu. Muốn thỉnh kinh học đạo, bước đầu của người tu là phải gieo duyên với Tam bảo. Thứ dễ nhất là cúng dường tài vật. Bởi không đủ duyên không nhận được pháp. Đương nhiên vật phẩm cúng dường không hẳn chỉ nằm trên mặt tài vật. Nó là những gì thuộc về phước hạnh. Ví thế, trên LÝ thì “Duy tuệ thị nghiệp” mà trên SỰ thì “Phước huệ song tu”.

Nói về mặt công đức, thỉnh kinh mà không biết thí xả tài vật thân tâm, nói chung là không biết thí xả ngã và ngã sở, thì công đức phước báu khó có. Vì phước báu không nằm trong giấy trắng mực đen, cũng không nằm trong việc thỉnh kinh, mà nó còn liên quan đến nhiều việc khác. Thỉnh kinh mà không làm theo những gì kinh dạy thì giá trị nhận được không có bao nhiêu. Thí xả công sức tài vật mới được phước báu quý. Thí xả thân tâm đến chỗ rất ráo, mới nhận ra cái chân thường hằng lạc, hằng tịnh. Kẻ đi trước có biết thí xả thân tâm tu hành, thì việc truyền trao mới có giá trị. Không thì như kẻ mù dẫn người mù, con cháu đời sau không thể khá.

Chính vì thế, khi nghe Tôn hành giả bầm tấu A Nan và Ca Diếp đòi của đứt lốt, Như Lai chỉ cười “Thôi đừng ta thán, ta đã biết rồi. Chỉ vì kinh này không thể khinh truyền, cũng không thể tay không mà có được kinh. Lúc trước, chúng tăng ở đây, có mang kinh xuống tụng cầu siêu cho gia đình Triệu trưởng giả ... Triệu trưởng giả chỉ trả công cho ba đấu gạo trắng thêm chút vàng bạc. Ta vẫn nói trưởng giả bòn xén, con cháu sau này ắt phải nghèo. Nay người đến tay không, thỉnh được bản giấy trắng, đó là chân kinh vô tự rất quý. Chỉ vì chúng sanh Đông độ các người ngu mê không ngộ, chỉ có thể dùng kinh hữu tự mà truyền, nên mới như thế”. Cái chỗ về tay không mà Như Lai nói quý đó, là chỗ thiên sư Nguyên Liễn hỏi Thủ Sơn Tĩnh Niệm ở Hà Nam “Học nhân đến núi báu, tay không trở về thì sao?” Thủ Sơn đáp “Hãy nhận kho báu nhà mình”. Ngay đó Nguyên Liễn đại ngộ và nói “Không còn nghi lời các thiên sư”. Nếu ngay đó nhận được, thì không có gì quý hơn. Nhưng lúc này hai thầy trò Tam Tạng đang thị hiện cho tăng lớp chúng sanh còn chấp vào tướng bên ngoài, không nhận được lý tâm tông mà Tổ Phật muốn chỉ bày, nên kinh vô tự trở

thành vô dụng, chư vị Tổ sư mới thành những kẻ tặc ác phỉnh lừa, cảnh giới Phật mới thành lục đạo, yêu ma.

Kinh hữu tự, đương nhiên không bằng được kinh vô tự, dù cả hai đều là chân kinh. Do ứng với cái duyên là chúng sanh ngu mê ở Đông Độ mà kinh vô tự biến thành hữu tự, ì là loại kinh mình đang đọc tụng hay học hành ngày nay. Thứ gì ứng duyên mà hiện, thứ đó không mang tính chân lý phổ quát. Vì thế, sau khi bị nhận chìm trong biển trầm luân của chúng sanh, kinh nào cũng bị mất mấy chương sau. Nghĩa là, thứ gì còn thuộc ngôn từ chữ nghĩa, thứ đó còn thiếu chưa đủ. Chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng. Nhờ ngón tay để thấy mặt trăng, ngón tay không phải là mặt trăng. Tuy kinh luận chưa phải chính là những gì Như Lai muốn mọi người hướng đến, nhưng phải nhờ đến kinh luận, mình mới biết đường tu hành mà nhận cho được những gì Như Lai muốn nói. Vì thế tuy kinh hữu tự không có giá trị bằng kinh vô tự, nhưng nó là thứ cần thiết cho chúng sanh thời mạt pháp. Cần thiết, không có nghĩa là rốt ráo. Chỉ là phương tiện, như thuyền đò đưa mình đến bờ kia. Cho nên, với một hành giả tu Phật, là tu để đạt được trí tuệ và đức tướng của Như Lai, mà công phu chỉ dừng ở mặt giới luật hay những tri thức có được từ kinh điển, thì chưa đủ. Chủ yếu vẫn là nhận ra bản tâm thanh tịnh của chính mình và sống được với nó. Đó là ý nghĩa vì sao sau khi rơi xuống biển, kinh nào cũng mất hết mấy chương sau. Mấy chương đó chính là bờ kia, là thứ mà luận Trung Quán đã nói “Tự biết không do ai, tịch diệt không hí luận, không khác không phân biệt, ấy gọi là thực tướng”

## **6. Tâm tham ái chấp thủ**

Thiền sư Kim Bát Phong sau khi chứng ngộ, có thể buông hết mọi duyên tham ái, nhưng riêng một cái bát ngọc dùng cơm là rất yêu thích. Một lần, do tuổi thọ đã hết nên Diêm Vương sai mấy tên tiểu quỷ đến bắt Sư. Kim Bích Phong biết trước, nhập định giỡn đùa. Lũ tiểu quỷ không cách gì bắt được, mới hỏi kẻ Thổ địa. Thổ địa nói “Ông ta rất thích cái bát ngọc, nếu đụng đến nó, chắc ông ta xuất định”. Quả thật, nghe tiếng bát ngọc khua, Sư nóng tâm xuất định. Lúc đó mới biết, tham ái nhất thời có thể thiêu hủy huệ mạng của người tu, nên Sư đập nát bát ngọc, để lại một bài kệ rồi nhập niết bàn. Tu đến cỡ có thể tự tại với sanh tử như thế, mà còn dính mắc vào một cái bát ngọc, huống là kẻ còn đang chấp chững trên đường. Mới thấy tâm chấp thủ vi tế khó mà lường hết.

Tam Tạng, khi bị tôn giả A nan đòi nhân sự cúng dường, không phải không có phẩm vật để cúng. Vẫn còn cái bình bát vua Đường ban tặng. Nhưng không hiểu vì không nhớ hay vì không muốn đưa ra mà nói ‘không có phẩm vật’. Người tu, có khi dám bỏ hết cuộc đời, chịu đủ thứ đắng cay để hoàn thành công hạnh của mình, nhưng rồi lại chấp vào những công hạnh đó mà không đến được bờ kia : Chìm mê trên đỉnh cao của những hình tướng bên ngoài, mà quên mất hình tướng bên ngoài dù rực rỡ phát triển bao nhiêu, cũng chỉ là phương tiện, chưa phải chính là chỉ yếu mà Như Lai muốn ta đạt đến. Bát ngọc là một vật rất thô, nhưng một người như Kim Bát Phong vẫn có thể dính mắc, huống là những

thứ mang đầy tính Phật pháp như thỉnh kinh, dịch thuật, chùa chiền, học vị v.v...? Không thể không nhắc nhở sao?

Tất cả chỉ là PHƯƠNG TIỆN giúp mình và người đến được bờ kia. Pháp, nếu được sử dụng đúng với bản chất của nó, thì pháp pháp đều chân. Nhưng một khi nó được dựng lập, hãnh diện hay tôn xưng quá mức cần thiết, đến nỗi chỉ còn lều bều hình thức bên ngoài mà thực chất thì bị bỏ mặt, là mình đang đi lệch với những gì Như Lai đã nói. Cho nên, những hình ảnh mang tính phỉ báng trong Tây Du Ký, chính là lời nhắc nhở rất giá trị cho những ai tu Phật. Những hành giả mang trong mình lời nguyện “Thượng cầu Phật đạo. Hạ hóa chúng sanh ... Đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo”. Lời nguyện như một lời hứa, không chỉ với mình mà cho tất cả các chúng sanh hữu duyên với mình. Hình ảnh thầy trò Tam Tạng, do tập trung hết tinh lực cho việc thỉnh kinh, đã quên mất lời hứa với lão rùa già, một chúng sanh thấp kém, từng giúp ngài phương tiện đến được bờ kia, không phải là lời răn nhắc rất giá trị cho những hành giả tu Phật đó sao? Đáng để nghiên ngẫm lắm chứ!

---o0o---

## **5 Pháp Khiến Chánh Pháp Không Diệt**

Mục đích chung của tôn giáo là dạy con người có cách sống sao cho phù hợp với chân lý để mọi người có được cuộc sống hạnh phúc. Song không phải tôn giáo nào cũng thực hiện đúng với mục đích đó. Hiện thực, ta thấy tôn chỉ giáo lý của mỗi nơi mỗi khác, khác cả trong từng tông phái của một tôn giáo, thấy tôn giáo cứ như biệt lập với xã hội. Thậm chí có tôn giáo chỉ thấy mang lại sự mê tín chết chóc hơn là làm lợi ích cho ai. Cái sai khác đó, một phần là do nhu cầu tâm linh của nhân loại khác nhau, một phần bắt nguồn từ việc vận dụng giáo pháp của con người vào đời sống của mình. Nó lệ thuộc vào trình độ nhận thức của từng giáo phái, từng thành phần đẳng cấp và cuối cùng là mục đích của chính người đang sử dụng nó.

Để thực hiện đúng vai trò là mang lại lợi ích thiết thực cho đời sống nhân loại, nhất là vào thời mạt pháp, với đạo Phật, CHÁNH GIÁO phải trường tồn. Luật Thập Tụng nêu ra 5 pháp khiến chánh giáo được trường tồn :

### **1. Tôn trọng chánh giáo : Các Tỳ-kheo chỉ y theo chánh giáo tiền tu. Lià xa thuyết Tiểu thừa và các ngoại đạo tà lệch.**

Đây chỉ đề cập đến Tỳ-kheo, vì Tỳ-kheo là bộ mặt đại diện cho Phật giáo, nhưng thật ra là cho tất cả những ai theo đạo Phật, không kể tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, già hay trẻ ... Tất cả đều có phần.

CHÁNH GIÁO nói đây là chỉ cho phần giáo pháp thuộc Nhân, Thiên, Nhị thừa, Đại thừa và Nhất thừa. Với hàng Tỳ-kheo, phải là phần giáo pháp từ Nhị thừa trở lên. Vì trong cái duyên là Tỳ-kheo, không thể lấy Nhân Thiên thừa làm chỗ đến.

Vì sao muốn chánh giáo tồn tại ta phải tôn trọng nó? Tôn trọng nói đây, không chỉ nằm ở mặt cảm niệm, mà còn THỰC HÀNH chánh giáo Như Lai đã nói. Nhờ đó chánh giáo mới tồn tại. Song muốn tôn trọng chánh giáo thì đầu tiên phải biết phân biệt cái gì chánh, cái gì tà. Tiêu chuẩn phân biệt rất dễ : Giáo lý hay tông phái nào dạy ta trừ bỏ tham sân si, giáo lý đó thuộc chánh giáo. Thành chỗ nào khuyên mình tiêu trừ tham sân si, thì dù không thích mình cũng biết chỗ đó là chánh giáo.

Tuy nói lìa xa Tiểu thừa nhưng không phải là tẩy chay kinh pháp Tiểu thừa. Trên mặt GIÁO LÝ, giáo lý Tiểu thừa là căn bản của Phật giáo. Đại và Nhất thừa, là phần giáo triển khai sâu phần căn bản đó. Nó chỉ ra tánh thực của vạn pháp cũng như của các thừa. Trên mặt CÔNG PHU TU HÀNH, dù Tiểu hay Đại, chủ yếu đều dạy người tu đối duyên xúc cảnh, không để 6 căn dính mắc 6 trần. Tùy mức độ mà có thô tế khác nhau.

Xa lìa Tiểu thừa nói đây, là muốn người tu không nên dừng trụ giữa đường (hóa thành) mà phải tiếp tục trở về cội nguồn chân thật của chính mình (bảo sở). Xa lìa Tiểu thừa, là muốn người tu đừng chỉ vì lợi ích của riêng mình mà quên mất hạnh nguyện độ sanh lợi ích cho muôn người. Với tinh thần Đại thừa, không phải chỉ có lợi mình mà còn phải lợi người. Lợi người là để việc lợi mình thêm hoàn thiện. Chánh pháp nhờ đó mới có cơ lưu truyền rộng rãi dài lâu. Cho nên, ngay với pháp môn Niệm Phật, Tổ thứ 13 của tông Tịnh Độ là ngài Ấn Quang, cũng khuyên người niệm Phật không được từ bỏ hạnh nguyện độ sanh.

Nói đến chánh giáo, dù ngàn kinh muôn luận, giáo môn hay tông phái có nghịch nhau, thì tất cả đều qui về một mối : Giúp người đời nhận ra lý chân của vạn pháp. Tùy sâu cạn mà lý chân này có cạn sâu.

Trên mặt TU HÀNH, tất cả đều tập trung vào việc từ bỏ tham, sân, si. Các bạn đừng nghĩ đến với thiền, không còn trừ tham sân si. Tu cỡ nào, kiểu gì cũng phải trừ bỏ tham sân si. Tùy theo duyên hiện đời, là xuất gia hay tại gia, là tu giải hoát hay chỉ ngừng ngang mặt phước báu Nhân Thiên, mà việc trừ bỏ có cạn hay sâu, ít hay nhiều. Đến với Phật pháp mà không trừ bỏ tham sân si thì không phải là Phật tử.

Trừ bỏ tham sân si, với thiền chính là nhận chân được tánh thực của tham sân si. Nhận chân được tánh thực của tham sân si thì tất cả pháp đều là Phật pháp. Thiền ngoại đạo không dạy ta trừ bỏ tham sân si. Chỉ dạy ta đủ công phu du sơn ngoạn thủy, chỉ tập trung vào vấn đề ăn uống, sức khỏe, đấu tranh v.v... mà bỏ đi việc trừ bỏ tham sân si.

## **2. Dừng sân ác : Các Tỳ-kheo thường hành nhẫn nhục, không sinh tâm sân nhuế. Công đức vang xa, khiến người người qui ngưỡng.**

Nhẫn nhục là hạnh đầu của người tu. Nhẫn, giúp mình an vui. Nhẫn, khiến mọi thứ hài hòa. Nhẫn, trí tuệ mới hiển phát. Nhẫn, mới làm được việc lớn v.v... Nên đặc đạo đợt một, gọi là VÔ SANH NHÃN. Đặc đạo đợt hai, gọi

là VÔ SANH PHÁP NHÃN. Muốn vô sanh kiểu nào cũng phải có nhân. Không nhân không thể vô sanh.

Hạnh này càng quan trọng đối với người tu thiền. Nhân với tiền tài, tình cảm, danh vọng, hơn, thua, được, mất v.v... Chính là thiền.

Không nghĩ ác, làm ác là việc phải có của người con Phật, dù chỉ là một Phật tử tại gia. Làm ác là chỉ cho những hành tác chỉ khiến người đau khổ mà không mang lại lợi ích cho người. Muốn không làm ác thì niệm ác vừa dấy, phải tỉnh mà dừng lại, không nên để nó tiếp diễn hay thành hành động. Đó là nền tảng để cuộc sống hiện tại của mình và người được yên vui. Cũng là cái nhân đưa đến cái quả hạnh phúc dài lâu.

### **3. Kính sự thượng tọa : Các Tỳ-kheo đối với bậc Đại đức ở cư vị Thượng tọa cung kính thuận sự. Siêng cầu pháp yếu.**

Đại đức hay Thượng tọa nói đây, chỉ cho chất thực bên trong của một Tỳ-kheo, không phải chỉ cho danh hiệu có được do ngày tháng trôi qua. Vì không có chất thực là đạo đức và trí tuệ bên trong, thì dù với danh hiệu Hòa thượng chẳng nữa, chư vị cũng khó mà đòi hỏi Phật tử học hỏi hay tôn kính chư vị. Còn Phật tử, dù muốn chẳng nữa, biết học gì ở chư Thượng tọa khi đạo đức và trí tuệ của chư vị không có? Dù ngoài có muôn cung kính, trong cũng khó thuận tình.

PHÁP YẾU là thứ cần thiết để trí tuệ phát triển. Phát triển trí vô sư là đích đến của người tu Phật, cũng là nền tảng để việc lợi tha được hoàn mãn. Nên với pháp yếu phải siêng thưa hỏi tu học.

Thiền tăng Khắc Khế, trụ nơi pháp hội của Phật Quang 12 năm, không hề thấy hỏi đạo. Mỗi lần hỏi đến, Khế đều nói : Con thấy Thầy ngày nào cũng bận, nên không dám làm phiền.

Ba năm rồi bốn năm sau ... vẫn như thế.

Một lần, Phật Quang chủ động:

- Vì sao tham cứu tu hành mà không đến hỏi ta?

Tăng Khế vẫn một mực:

- Con thấy Thầy bận ...

Phật Quang hét:

- Bận, bận! Vì ai mà bận? Ta cũng có thể vì ông mà bận chứ.

Tăng Khế liền tỉnh.

Có nghiên cứu, có công phu thì mới thấy có nhiều thứ khó khăn để hỏi. Không có gì thắc mắc vì ngày tháng cứ để trôi xuôi. Thành đừng sợ tham vấn Thiện tri thức là làm phiền chư vị. Ai cũng sẵn sàng vì mình mà bận. Có điều, hỏi hoài mà không chịu tu, hỏi toàn chuyện linh tinh, hỏi cái không thể trả lời, trả lời chỉ

thêm kiến giải cho mình thì chur vị không trả lời, đành “Cắt đứt sấn bìm”. Không phải các ngài thiếu trí tuệ hay không muốn mình thừa hỏi pháp yếu.

#### **4. Ưa thích chánh pháp : Các Tỳ-kheo ở nơi chỗ Thượng tọa nghe thuyết Diệu pháp, sanh tâm ưa thích sâu xa, hoan hỉ phụng hành.**

Diệu pháp là pháp chỉ cho mình thấy được lý chân của cuộc đời như Tứ đế, Thập nhị duyên sanh v.v... Sâu hơn, nó chính là TRÍ TUỆ và LÒNG TỰ SẴN có trong mỗi chúng ta. Chỉ vì vô minh mà bị khuất lấp. Nghe Diệu pháp, giúp ta nhớ lại được cội nguồn chân thật đó. Nó giúp ta có cái nhìn đúng đắn với thân tâm thế giới quanh mình. Nó cũng là thứ giúp mình có niềm tin với việc tu hành. Tu hành, giúp mình nhận ra phần Diệu pháp sẵn đủ trong mình. Niềm tin càng được củng cố. Vì thế, ngoài việc sinh tâm ưa thích còn phải hoan hỉ phụng hành. Có hoan hỉ phụng hành mới sinh tâm ưa thích bền lâu. Những tệ nạn đáng tiếc xảy ra trong giáo đoàn của Phật từ xưa đến nay, chỉ vì không ưa thích Diệu pháp mà ưa thích các thứ khác. Cho nên, ưa thích Diệu pháp là một trong 5 thứ khiến chánh pháp được trường tồn trong thời mạt pháp.

#### **5. Khéo dạy bảo các người mới học : Các Tỳ-kheo, đối với pháp Đại thừa, phương tiện diễn thuyết khiến kẻ sơ tâm học tập có chỗ y chỉ tiến tu vào đạo.**

Đây, chỉ nói dạy pháp Đại thừa mà không nói các pháp khác, vì “Đại thừa xuất sanh tất cả Thanh văn, Độc giác, cùng các thiện pháp của thế và xuất thế gian”. Tiến là nói Đại thừa mà thật là đủ tất cả. Đủ tất cả nhưng không ngoài hai thứ tự lợi và lợi tha. Thiếu một thì không phải Đại thừa.

PHƯƠNG TIỆN, là tùy theo tánh dục căn cơ của người mới học mà có pháp cho họ, để họ có thể tăng tiến tự lợi và lợi tha. Vì dù là diễn nói đúng pháp Nhất thừa chẳng nữa, mà quá căn cơ tánh dục của người, thì như nước đổ đầu vịt, không chút lợi ích. Vì thế phải khéo phương tiện, tùy nghi lập pháp. Song LẬP PHÁP thế nào cũng không được ra ngoài LÝ CHÂN. Cái không lìa lý đó, là điều kiện tiên quyết để pháp phương tiện của ta không rơi vào ngoại đạo tà giáo. Có vậy, phương tiện đó mới thật có lợi ích.

Như đến với đạo Phật, không chỉ có học mà còn phải có giới luật và tu hành. Vì Diệu pháp của Như Lai tuy là thứ sẵn đủ trong mỗi chúng sanh, nhưng do vô minh mà nó ẩn mất. Giờ muốn nó hiển thì phải thiền định lắng tâm. Song do căn cơ người tu chỉ ngang tới mức giữ giới và học kinh luận, chưa thể trừ vọng trong tâm, nên việc thiền định lắng tâm tạm gác lại. Trên LÝ thì phải đủ ba thứ giữ giới, học và tu ngay tâm. Nhưng trên SỰ, do căn cơ người đời mà phương tiện chỉ còn hai là giữ giới và học hỏi. Không phải vì cái học là chỗ tối cùng, rồi lấy đó làm kế sinh nhai, mà bỏ luôn phần thiền định lắng tâm. Khéo dạy và khéo biết như thế, gọi là khéo phương tiện. Nói “khéo”, vì khế cơ mà không lìa lý.

Là Phật tử chân chính của Như Lai, chúng ta không thể không quan tâm và thực hành năm pháp trên. Đó là pháp cúng dường lớn nhất trong các pháp cúng dường.

---o0o---

### **Đậu Hũ Tâm Sự**

Ngày Đậu Hũ mới tới chùa. Thầy đưa Đậu Hũ lên Chân Nguyên. Núi đá cheo leo, hoa vàng nở rục bốn phía. Gió mát, Đậu Hũ ngồi vờng đong đưa “Răng xưa, có gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng ... nhớ nhau!”. Thầy bước ra, tướng như ... Bodhi-dharma. Giống nhất là hai con mắt, chỉ còn thiếu mỗi bộ râu. Đậu Hũ sực tỉnh. Lên tới chỗ ni mà còn nhớ nhau, về nhà sao nhớ nỗi Phật?

Quên!

Trưa dùng cơm, thầy trò tặng tục hạ thổ bình đẳng. Đậu Hũ không quen, ngần ngừ. Tặng nói :

- Mắc cỡ thì cứ ra ngoài ngồi chờ ...

Đậu Hũ đâu dễ bắt nạt, nhọn mỏ :

- Nếu vì mắc cỡ ... không ra.

Thầy nghe tặng tục qua lại, chỉ cười.

May mà kịp tỉnh. Sĩ diện một chút dỗi rồi. Bắp cải, lũ khỉ trên núi đã xuống bụng đi. Lão bà nấu ăn gõ gõ đũa bếp, chống trời “Cái bắp cải nó tao nấu thầy ăn. Tụi bây có đem bắp cải xuống trả hay không thì nói. Tao cho nhin hết ...”. Vậy mà lũ khỉ mang cái bắp cải xuống trả, giờ mới có ăn.

Đậu Hũ không đi đâu nữa. Lên núi, cũng không còn mừng hoa vàng nhớ nhau. Cũ mèm, nhớ chi! Con cháu nhà thiên, có gì mơ mộng? Viên vông chi cho ngày tháng khắc sâu. Không được như các thiền sư “Chuyện hôm nay chỉ biết hôm nay. Xuân thu ngày trước ai hay làm gì”, thì cũng chút chút gì đó tương tự, cho xứng cái danh nhà thiên :

*Chuyện hôm ni chỉ biết hôm ni*

*Xuân thu trước nó nhớ chi cục mình*

Hy vọng một chút hiện tiền, ngàn năm chỉ là nhất niệm. Thôi nhớ thôi thương cho đời bớt cực. Thương thương nhớ nhớ vát vĩa vô ngần. Nhớ không? Đã dặn không nhớ, sao còn nhớ không?

Đậu Hũ khi nào cũng lo. Lo trong rồi tới lo ngoài. Tập lâu thành tánh lúc nào không hay. Lo con, lo cái ... đủ mọi thứ lo. Chuyện chưa thấy tới cũng lo. Lo nứt con mắt. Lo cháy bao tử ... Rốt cuộc nghiệm ra một điều : Có thứ đáng ra không tới, chỉ nhờ mình lo, nó mới tới mau. Thứ gì đã tới, có lo nó vẫn cứ tới. Chuyện chi phải lo cho cực? Lo quá, nó chưa thấy tới mình đã phát bệnh. Bệnh



rồi, việc tới, muốn lo lo cũng không xong. Không xong thì lại càng lo. Càng lo, càng bệnh. Trong lúc thập tử nhất sinh, mới thấy mình ... ngu! Những chuyện ruồi bu cũng làm.

Ngộ rồi, hết bệnh. Mới thấy cái vòng luẩn quẩn nó trói buộc mình. Cái này ló ra, cái kia liền theo. Cái kia đã theo, cái nọ liền hiện. VÔ MINH duyên HÀNH, HÀNH duyên THỨC ... Chúng nắm tay nhau, duyên khởi trùng trùng, chỉ mình là thiệt. SANH, LÃO, BỆNH, TỬ cứ thế nối đuôi. May là kiếp này chưa đến chữ TỬ đã kịp nhận ra : Lo là vô bổ. Cứ ngay hiện tại mà sống. Có đức mặc sức mà ăn, lo gì? Đáng lo là phước không đủ, đức không chăm. Chỉ lo đề bệch thiên hạ từ tình đến tiền ... Cái đó đáng lo! Cái quả mà tới không sao lo xuê.

Đậu Hũ, nhiều chuyện ngẫm ra rất buồn. Thứ mình không làm, người nói mình làm. Thứ mình không nghĩ, người nói mình nghĩ. Buồn này nối tiếp buồn kia. Vang vọng! Nhưng ngẫm cho cùng, đâu phải tại ai ... Cây đậu tự lên khi không có mầm. Hoa đậu tự rụng khi chưa đủ duyên.

Những ngày lang thang phố chợ, mẹ chồng không phải người khó, tánh tình hiền lương, nhưng cứ quả quyết “Chuyện đó nó làm”. Đậu Hũ có bao giờ làm? Nghĩ còn không nghĩ, có đâu mà làm. Nhưng bà vẫn quyết nó làm vậy đó! Đậu Hũ suy nghĩ : Mẹ chồng hiền lương không hề nói bậy, nhưng sao vậy hề? Sao mà nên nổi lạ lùng? Oan khiên chi lắm! Ngẫm tới ngẫm lui riết thành công án. Một hôm nổ tung, buồn tản như mây.

Cái NGHIỆP QUÁ KHỨ của mình DUYÊN với cái TƯỚNG hiện tại của người, nó ra vậy đó! Cái NGHIỆP của mình, là do quá khứ mình lỡ gieo nhân không tốt. Giờ nó ra hoa, quả tự hiện hình mình phải hứng thôi. Cái TƯỚNG của người, là nhìn sự vật con người theo những định kiến của người. Như thấy mèo có 4 chân, hình thành trong đầu cái nghĩ 4 chân là mèo. Thế là cứ lấy chuẩn đó mà hướng ra ngoài định liệu. Khổ nỗi mèo có 4 chân thì đúng. Nhưng đủ 4 chân chưa chắc là mèo. Còn nhiều thứ khác như lông, như đuôi ... rất là nhiều thứ hội tụ mới ra thành mèo. Đâu phải chỉ mỗi một duyên 4 chân, đã nói là mèo. Có điều đa số mình đây rất hay như vậy. Cứ thấy vài tướng giống nhau, liền cho nó là vậy đó. Nhưng nào có phải. Có khi chỉ là cái TƯỚNG của mình. Bị TƯỚNG chi phối vì hay vương tướng bên ngoài, không nhìn thấy được bản chất bên trong. Thành Tổ vẫn khuyên “Phản quan tự kỷ bổn phận sự”.

Vì là cái nghiệp của mình, thôi thì giải nghiệp cho xong. Không hướng ra ngoài phê tới phê lui, giữ gìn mồm miệng cho kỹ. Tâm mình, mình liệu. Khởi niệm liền biết. Biết rồi quay vô đừng hướng ra ngoài khởi tiếp. Nghiệp rồi cũng tiêu. Tướng rồi cũng hết. Nhà thiền hay nói “Tùy duyên tiêu nghiệp cũ. Hồn nhiên mặc áo xiêm”. Nghiệp tới thì gấn bình thân cho yên. Bạch Ẩn làm rất chí tình, không cần biện minh. Ngày ngày vắc bình xin sữa nuôi trẻ cho nghiệp tiêu đi.

Bởi do cái tướng của người, nên rồi mọi thứ như vật soi dưới mặt trời, không cần biện minh. Tất cả đều tỏ. Thầy vẫn là thầy. Trò vẫn là trò. Có gì khác xưa? Cổ nhân làm được, đâu lý hậu sinh không làm? Bắt chước thử coi !

Nói dễ, làm không phải dễ. Làm được, nhẹ gánh buồn lo. Cuộc đời tươi sáng ...

Đậu Hũ thấy sao?

Còn thấy gì nữa ...

*Thôi thì thôi, để mặc mây trôi*

*Ôm trăng đánh giấc bên đồi dạ lan ...*

Bận lòng chi với những được mất thế gian. Đậu Hũ không còn thấy buồn. Mẹ chồng có thương, nhà chồng không ghét thì tốt. Không thương mà ghét, Đậu Hũ cũng đâu mất gì. Đậu Hũ vẫn là Đậu Hũ. Trăng đó bên đồi dạ lan. Lục Tổ vẫn nói “Thương ghét chẳng bận lòng, đuổi thẳng hai chân ngựa”. Chỉ vì cứ muốn được thương, mà sàu với khổ. Thoát thương thoát ghét, tới lui nhẹ nhàng. Việc mình mình làm, cho tròn cái đạo làm người, cho thành cái nghĩa dâu con. Coi như một chút tư lương trời gở kiếp tầm ...

*Thôi thì thôi, chỉ là phù vân*

*Thôi thì thôi nhé, chỉ ngân ấy thôi ...*

TP HCM ngày 30.11.2007

**Chân Hiền Tâm**

---o0o---

**HẾT**